

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

HUỲNH PHAN THIÊN PHÚC

**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA THƯƠNG NHÂN
NƯỚC NGOÀI THEO PHÁP LUẬT
VIỆT NAM HIỆN NAY**

**Chuyên ngành : Luật kinh tế
Mã số : 60.38.01.07**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS.TS. NGUYỄN ĐỨC MINH**

HÀ NỘI, Năm 2017

LỜI CẢM ƠN

Luận văn Thạc sĩ này là kết quả của hai năm học tập và nghiên cứu đề tài tại Học viện Khoa học xã hội thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam của tác giả. Để có thể hoàn thành được Luận văn, ngoài những cố gắng của bản thân, là sự hướng dẫn tận tình của PGS.TS Nguyễn Đức Minh với tư cách là Người hướng dẫn khoa học cho tác giả trong suốt quá trình thực hiện Luận văn, cũng như sự giảng dạy của tập thể các thầy cô tại Học viện Khoa học xã hội thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Tác giả xin đặc biệt gửi lời cảm ơn trân trọng nhất đến PGS.TS Nguyễn Đức Minh vì rất nhiều sự giúp đỡ, quan tâm chân tình của Thầy trong thời gian qua. Thầy đã dành nhiều thời gian để đọc, thảo luận, đánh giá và góp ý cho Luận văn của tác giả. Những nhận xét của Thầy luôn xác đáng, tinh tế và rất bổ ích cho tác giả trong việc hoàn thiện nội dung Luận văn của mình. Và cũng xin gửi đến tập thể các thầy cô Học viện Khoa học xã hội thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam lòng tri ân của tác giả vì những kiến thức các thầy cô đã truyền đạt trong suốt hai năm học Thạc sĩ vừa qua.

Xin dành Luận văn này như lời cảm ơn trân trọng nhất cho mọi người.

Học viên

Thiên Phúc

LỜI CAM ĐOAN

Tác giả xin cam đoan rằng Luận văn Thạc sĩ “*Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài theo pháp luật Việt Nam hiện nay*” là công trình nghiên cứu của cá nhân tác giả. Tất cả các tài liệu và thông tin được sử dụng trong bài viết này đều đã được chú thích và trích dẫn đầy đủ.

Mọi thắc mắc về nội dung bài viết vui lòng liên hệ tác giả qua địa chỉ email hpthienphuc@gmail.com.

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 8 năm 2017

Huỳnh Phan Thiên Phúc

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ PHÁP LUẬT MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI.....	9
1.1. Khái niệm và đặc điểm của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài	9
1.2. Quy chế pháp lý về văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài theo pháp luật Việt Nam và pháp luật một số quốc gia trên thế giới.....	14
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM.....	35
2.1. Tác động tích cực và tiêu cực của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài đối với nền kinh tế Việt Nam hiện nay	35
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật và một số bất cập trong việc áp dụng pháp luật về văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.....	40
2.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	55
KẾT LUẬN	69
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngày nay, toàn cầu hóa kinh tế đang tiếp tục phát triển không ngừng cả về quy mô, mức độ và hình thức biểu hiện với những tác động tích cực và tiêu cực, cơ hội và thách thức cho mọi quốc gia kể cả Việt Nam [20]. Biểu hiện rõ rệt của xu thế hợp tác kinh tế ngày càng sâu rộng là việc xuất hiện không chỉ các Tập đoàn kinh tế, các Công ty xuyên quốc gia lớn mạnh có tên tuổi trên toàn thế giới với thị trường kinh doanh rộng lớn, mà còn rất nhiều các Công ty có quy mô vừa và nhỏ cũng tăng cường mở rộng mạng lưới kinh doanh của mình trên thị trường quốc tế bằng cách tiến hành xúc tiến đầu tư xuyên quốc gia. Một hình thức hiện diện thương mại ở nước ngoài đầu tiên, an toàn và đơn giản cho các nhà đầu tư đó là thành lập văn phòng đại diện tại các quốc gia mà mình muốn mở rộng thị trường.

Việt Nam hiện nay đã là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (“WTO”) và cũng đang hòa vào xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế chung, nhanh chóng trở thành một thị trường hấp dẫn thu hút rất nhiều nhà đầu tư kéo theo sự xuất hiện của nhiều văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại nước ta. Phần lớn các công ty nước ngoài thâm nhập vào thị trường Việt Nam trong giai đoạn đầu để nghiên cứu và phân tích thị trường, vì thế, họ chưa muốn đầu tư một khoản chi phí khổng lồ cho việc thành lập công ty, thuê địa điểm kinh doanh... mà vẫn cần một văn phòng chuyên nghiệp phục vụ cho công việc. Do vậy, để có thể tiếp cận một cách gần gũi nhất và nhanh chóng tìm hiểu thị trường, họ thành lập các văn phòng đại diện là cầu nối thực hiện chức năng văn phòng liên lạc, nghiên cứu và cung cấp thông tin để thúc đẩy hoạt động kinh doanh; thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại từ nước ngoài vào Việt Nam và ngược lại; thúc đẩy giao thương giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước...

Hiện tại, hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam đang rất phát triển, số lượng văn phòng đại diện tăng dần theo từng năm đặc biệt là sau khi Việt Nam gia nhập WTO. Theo số liệu thống kê gần đây nhất của Bộ Công Thương được báo chí ghi nhận, trên cả nước hiện nay có hơn 4000 văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài hoạt động. Mặc dù chỉ hoạt động trong phạm vi xúc tiến thương mại, đầu tư, nhưng các văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài đã có nhiều đóng góp tích cực cho việc phát triển kinh tế của đất nước như góp phần tăng trưởng xuất khẩu, nhập khẩu; thúc đẩy các dự án đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam; mở rộng quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, rất nhiều văn phòng đại diện đã có những hành vi vi phạm như: hoạt động kinh doanh sinh lời trực tiếp, không thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, vi phạm nghĩa vụ về thuế, công ty mẹ ở nước ngoài đã chấm dứt hoạt động nhưng văn phòng đại diện vẫn tồn tại và tiếp tục hoạt động, và rất nhiều các vi phạm khác đang diễn ra. Mặt khác, pháp luật điều chỉnh hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam còn tồn tại nhiều bất cập gây khó khăn cho việc quản lý của cơ quan nhà nước cũng như tạo rào cản cho hoạt động đầu tư của thương nhân nước ngoài. Luật Thương mại của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 (“Luật Thương mại 2005”), Nghị định số 07/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (“Nghị định 07”) vừa được ban hành và thực thi đã điều chỉnh và kiểm soát được phần nào hoạt động của các văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài, và về cơ bản cũng phù hợp với những cam kết của Việt Nam trong WTO, tạo điều kiện cho thương nhân nước ngoài thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư tại Việt Nam. Tuy nhiên cùng

với sự thay đổi của nền kinh tế theo thời gian, pháp luật không tránh khỏi những bất cập hoặc kể hờ mới phát sinh. Do vậy yêu cầu cấp thiết và tất yếu là cần có một hệ thống pháp luật hoàn thiện để kiểm soát chặt chẽ hơn hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, ngăn ngừa các hành vi vi phạm có thể xảy ra và vẫn đồng thời cải cách môi trường đầu tư tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, phù hợp với lộ trình mở cửa thị trường của Việt Nam, góp phần thúc đẩy quan hệ thương mại giữa Việt Nam và các nước trên thế giới.

Chính vì những lý do trên và yêu cầu cấp bách của xã hội trong việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam nên tác giả đã chọn đề tài *“Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài theo pháp luật Việt Nam hiện nay”* làm Luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài đang ngày càng phát triển tại nước ta, do vậy đã có một số đề tài của các nhà nghiên cứu đề cập đến vấn đề này như: Luận văn Thạc sĩ Luật học năm 2009 tại Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh của tác giả Trần Anh Khoa về *“Một số vấn đề pháp lý về văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam”*, Luận văn đã *“làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn áp dụng các quy định cũng như phương hướng, kiến nghị hoàn thiện quy định về văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài trong các Văn bản pháp luật”*. Luận văn Thạc sĩ Luật học năm 2004 tại Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh của tác giả Trương Thanh Tùng về *“Phương hướng hoàn thiện Luật Thương mại trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam hiện nay”*, Luận văn đề cập đến vấn đề mở rộng hoạt động kinh doanh cho văn phòng đại diện của Công ty nước ngoài, tác giả cho rằng *nên cho phép họ*

được phép thực hiện các hoạt động kinh doanh sinh lời theo Luật Thương mại Việt Nam và cần áp dụng một biện pháp quản lý thích hợp để đảm bảo sự quản lý nhà nước.

Tuy nhiên trong bối cảnh kinh tế mới của nước ta hiện nay, cần thực hiện rà soát lại pháp luật, đồng thời nghiên cứu và học tập kinh nghiệm của các quốc gia khác. Do vậy, điểm mới của Luận văn là tiếp cận vấn đề từ góc độ quốc tế kết hợp với thực tiễn, không chỉ phân tích các quy định về văn phòng đại diện ở Việt Nam mà còn tìm hiểu, so sánh với các quy định của pháp luật một số quốc gia phát triển trên thế giới, các quốc gia láng giềng đang phát triển, các quốc gia tiềm năng mà thương nhân Việt Nam muốn đầu tư đến, để học tập kinh nghiệm thiết lập và thực tiễn áp dụng pháp luật của nước bạn. Ngoài ra tác giả còn tập trung phân tích những bất cập, hạn chế trong việc thực thi pháp luật về văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài hiện nay ở nước ta. Trên cơ sở kết hợp tìm hiểu thực trạng hoạt động của văn phòng đại diện trong nước và kinh nghiệm thế giới để đưa ra những đề xuất thay đổi khuôn khổ pháp lý quy định về vấn đề này, giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý được chặt chẽ, hiệu quả và tạo hành lang pháp lý thông thoáng giúp các nhà đầu tư nước ngoài trong việc đặt văn phòng đại diện tại Việt Nam, góp phần thúc đẩy kinh tế nước nhà phát triển một cách ổn định, bền vững.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của Luận văn là nhằm xây dựng một khuôn khổ pháp lý hiệu quả trong việc quản lý các văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Tác giả dựa trên đánh giá thực trạng hoạt động của các văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại nước ta hiện nay để thấy được những tác động tích cực và tiêu cực của chúng đối với nền kinh tế cùng các bất cập

trong quản lý nhà nước đang còn tồn tại. Đồng thời đi sâu phân tích các quy định pháp lý điều chỉnh văn phòng đại diện còn bất cập theo pháp luật Việt Nam và so sánh với quy chế pháp lý của một số quốc gia khác cùng điều chỉnh vấn đề này để rút ra bài học kinh nghiệm.

3.2. *Nhiệm vụ nghiên cứu*: Định hướng khuyến nghị hoàn thiện pháp luật về văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. *Đối tượng nghiên cứu*: (i) pháp luật về trình tự, thủ tục thành lập, hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, so sánh với một số quốc gia trong khu vực và trên thế giới, (ii) thực tiễn hoạt động của văn phòng đại diện ở nước ta, những bất cập của pháp luật trong việc quản lý nhà nước và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của văn phòng đại diện, (iii) kiến nghị, đề xuất một số quy định nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về văn phòng đại diện ở Việt Nam.

4.2. *Phạm vi nghiên cứu*: Bao gồm việc phân tích các quy định cụ thể, chi tiết các vấn đề như trình tự, thủ tục, cơ quan có thẩm quyền... liên quan đến việc cấp phép, điều chỉnh, cấp lại, gia hạn cũng như việc chấm dứt hoạt động, chế độ kiểm soát, xử phạt vi phạm hành chính của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Trong đó tác giả chủ yếu tập trung đi sâu trình bày, phân tích những quy định hiện nay đang là bất cập trong việc quản lý nhà nước và việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam được quy định tại Luật Thương mại 2005 và Nghị định 07 dựa trên thực trạng hoạt động của văn phòng đại diện tại nước ta và đưa ra các giải pháp hoàn thiện. Các văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài hoạt động trong các lĩnh vực thương mại đặc thù được quy định trong các văn bản pháp luật chuyên ngành khác không được đề cập trong giới hạn phạm vi của Luận văn này.

Để làm sáng tỏ nội dung cần nghiên cứu tác giả cũng phân tích các quy định và thực tiễn thi hành pháp luật của một số quốc gia chọn lọc trên thế giới và trong khu vực như Úc, Pháp, Liên bang Nga, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Thái Lan, Singapore và Nhật Bản để rút ra những bài học kinh nghiệm cho việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam về văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận:

Trong Luận văn tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu biện chứng duy vật, tìm hiểu và phân tích các quy định về văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài trong mối liên hệ chặt chẽ với thực tiễn hoạt động của chúng những năm gần đây tại Việt Nam từ đó đưa ra những định hướng thay đổi các quy định điều chỉnh lĩnh vực này phù hợp với quy luật phát triển chung của thế giới và tình hình thị trường nội địa.

5.2. Phương pháp nghiên cứu: Sử dụng phương pháp phân tích và so sánh, đánh giá quy định của nước ta với khung pháp lý của một số quốc gia trên thế giới để rút ra những bài học kinh nghiệm cho việc xây dựng một môi trường pháp lý vừa thông thoáng để thu hút đầu tư nước ngoài, vừa chặt chẽ trong quản lý nhà nước nhằm mục tiêu phát triển nền kinh tế nước nhà bền vững trong tiến trình hội nhập quốc tế ngày nay.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận:

Hiện nay, nhu cầu đầu tư nước ngoài để mở rộng thị trường của các thương nhân đang rất phát triển, vì vậy việc tìm hiểu pháp luật về văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài là rất cần thiết. Luận văn sẽ cung cấp những thông tin một cách có hệ thống về trình tự, thủ tục thành lập, phạm vi hoạt động, chấm dứt hoạt động và quyền lợi, nghĩa vụ của văn phòng đại diện

tại Việt Nam được quy định trong các văn bản pháp luật. Đây sẽ là tài liệu cần thiết cho thương nhân nước ngoài muốn tìm hiểu pháp luật Việt Nam để thành lập một văn phòng đại diện ở nước ta.

Quan trọng hơn, với thực trạng còn nhiều kẽ hở và bất cập trong quy định của nước ta về vấn đề này, việc phải điều chỉnh các văn bản pháp luật nhằm cải thiện môi trường đầu tư trong nước và để việc quản lý nhà nước thêm chặt chẽ là rất cấp thiết. Đồng thời việc hoàn thiện thể chế pháp lý cũng phải thực hiện theo đúng cam kết trong các Hiệp định thương mại tự do khu vực cùng các Thỏa thuận quốc tế của nước ta. Nếu như môi trường đầu tư ở Việt Nam được đánh giá cao thể hiện qua khung pháp lý rõ ràng, minh bạch, ổn định; lao động lành nghề; cơ sở hạ tầng bảo đảm... thì các doanh nghiệp nước ngoài sẽ tự khắc tìm đến Việt Nam, lựa chọn Việt Nam làm điểm đến để đầu tư. Luận văn là ý kiến của tác giả về định hướng hoàn thiện và những kiến nghị cụ thể thay đổi các quy định bất cập hiện nay – chủ yếu là đề xuất sửa đổi luật và các văn bản hướng dẫn thi hành sao cho vừa phù hợp với xu hướng mở rộng và hội nhập kinh tế thế giới, tạo môi trường thu hút đầu tư để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm cho lao động Việt Nam mà vẫn đảm bảo sự quản lý nhà nước chặt chẽ và phát triển kinh tế – xã hội nước nhà ổn định, bền vững.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn:

Luận văn cũng đồng thời cung cấp các thông tin về trình tự, thủ tục thành lập một văn phòng đại diện của thương nhân Việt Nam ở một số quốc gia phát triển trên thế giới, các quốc gia láng giềng đang phát triển, các đối tác có tiềm năng mà thương nhân Việt Nam muốn đầu tư đến như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, Liên Bang Nga..., là tài liệu tham khảo cho thương nhân Việt Nam muốn thành lập văn phòng đại diện tại các nước để mở rộng kinh doanh, tăng cường xúc tiến thương mại ra nước ngoài.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được cơ cấu thành hai chương, như sau:

Chương 1: Tổng quan về văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài theo pháp luật Việt Nam và pháp luật một số quốc gia trên thế giới.

Chương 2: Thực trạng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài ở Việt Nam.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ PHÁP LUẬT MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

1.1. Khái niệm và đặc điểm của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài

1.1.1. Khái niệm văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài

Thương nhân nước ngoài là những người mang vốn đầu tư ra nước ngoài nhằm tìm kiếm lợi nhuận đồng thời cũng mang lại lợi ích kinh tế rất lớn cho quốc gia nhận đầu tư. Tuy nhiên đi kèm theo đó sẽ là những tác động bất lợi nếu không được kiểm soát tốt bởi các quy định của pháp luật điều chỉnh. Bộ luật Thương mại Nhật Bản quy định tại điều 4: *“thương nhân là một người nhân danh bản thân mình tham gia vào các giao dịch thương mại như là một nhà kinh doanh”*. Yếu tố kinh doanh được đặt ra trong khái niệm của thương nhân để làm rõ vấn đề như thế nào để được xác định là thương nhân. Theo điều 104, Bộ luật Thương mại Hoa Kỳ thì *“thương nhân là những người thực hiện các nghiệp vụ đối với một loại nghề nghiệp nhất định là đối tượng của các hợp đồng thương mại”*. Có thể thấy rằng, đối với các quốc gia trên thế giới, điều kiện con người và điều kiện liên quan tới nghề nghiệp, công việc và hoạt động của họ là hai điều kiện tiên quyết để họ được xem là thương nhân hay không. Pháp luật Việt Nam quy định tại Điều 16, Luật Thương mại 2005: *“Thương nhân nước ngoài là thương nhân được thành lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nước ngoài hoặc được pháp luật nước ngoài công nhận”* [14]. Luật Thương mại Việt Nam ở đây chỉ chú trọng vào điều kiện về việc thành lập theo quy định của pháp luật nhưng chưa đưa ra được bản chất của thương nhân nước ngoài theo đúng ý nghĩa khái niệm

thương nhân nội tại mà các nước đang xây dựng. Quy định pháp luật của quốc gia được chọn đầu tư là một trong những yếu tố để các thương nhân quyết định việc đặt những bước tiến đầu tiên trong việc tìm kiếm cơ hội kinh doanh của mình. Trong xu hướng toàn cầu hóa kinh tế ngày nay, với mong muốn mở rộng thị trường vượt ra khỏi biên giới nội địa, thương nhân nước ngoài thường thiết lập một hiện diện thương mại tại các quốc gia mà mình muốn quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại hoặc thực hiện dự án đầu tư. Văn phòng đại diện chính là một trong những hình thức hiện diện thương mại được thương nhân nước ngoài lựa chọn để thiết lập trong giai đoạn tìm hiểu môi trường kinh doanh ban đầu trước khi mở Chi nhánh hoặc Công ty để chính thức tiến hành các hoạt động thương mại nhằm mục đích sinh lợi trực tiếp từ thị trường đầu tư.

Nhận định được tầm quan trọng của hình thức hiện diện thương mại này, Luật Thương mại 2005 đã đưa ra khái niệm “*văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam là đơn vị phụ thuộc của thương nhân nước ngoài, được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam để tìm hiểu thị trường và thực hiện một số hoạt động xúc tiến thương mại mà pháp luật Việt Nam cho phép*”[14]. Đơn vị phụ thuộc của thương nhân nước ngoài là điều kiện tiên quyết để một văn phòng được xác định là văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Từ khái niệm này, ta có nhận định rằng, khi một văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài được thành lập tại Việt Nam, họ phải chứng minh được sự phụ thuộc vào một thương nhân nước ngoài hay nói cách khác, họ phải thể hiện được tính tồn tại và hiện hữu của thương nhân mà họ mang quốc tịch khi đặt nền móng đầu tư vào Việt Nam.

1.1.2. Đặc điểm của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài

Từ khái niệm nêu trên, có thể rút ra những đặc điểm của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài như sau:

(i) Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài là đơn vị phụ thuộc của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam [14] và hoạt động trong phạm vi ủy quyền của thương nhân.

Với đặc điểm là một đơn vị phụ thuộc của thương nhân nước ngoài và do thương nhân nước ngoài thành lập, do đó, văn phòng đại diện phải được tổ chức hoạt động theo *Điều lệ của thương nhân nước ngoài đó, chỉ được thực hiện các hoạt động theo sự ủy quyền của thương nhân, không có tính độc lập về tài chính và phải hạch toán phụ thuộc. Điều này có nghĩa là, văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài là một đơn vị có hoạt động phụ thuộc vào thương nhân nước ngoài. Như vậy, điều tất nhiên là văn phòng đại diện của của thương nhân nước ngoài không có tư cách pháp nhân [15].* Bởi để được xác nhận là có tư cách pháp nhân, văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài phải đảm bảo có đầy đủ bốn yếu tố: *được thành lập theo quy định pháp luật; có cơ cấu tổ chức được ghi nhận bởi điều lệ; có tài sản độc lập và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình và nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập.* Sự độc lập là điều không có đối với hình thức văn phòng đại diện và họ cũng không thể tự nhân danh chính mình để tham gia các quan hệ pháp luật. *Thương nhân nước ngoài phải chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về toàn bộ hoạt động của văn phòng đại diện của mình tại Việt Nam [7].* Nhiệm vụ thay mặt cho thương nhân nước ngoài giao dịch với cá nhân, tổ chức kinh tế khác và cơ quan nhà nước Việt Nam, đồng thời tổ chức thực hiện các hoạt động mà văn phòng đại diện được ủy quyền, sẽ được giao cho một người đứng đầu văn phòng – thường được gọi là Trưởng văn phòng đại diện.

Từ những phân tích trên, ta có thể rút ra được bản chất của văn phòng đại diện là đại diện theo ủy quyền. Các hoạt động của văn phòng đại diện được thực hiện dựa trên nguyên tắc được ủy quyền của thương nhân nước

ngoài. Có nghĩa là họ được mặc định hoạt động trong một phạm vi được thương nhân nước ngoài khoanh vùng và không thể tự mình thoát ra khỏi sự ủy quyền này. Khi văn phòng đại diện tiến hành các giao dịch, họ phải có được sự ủy quyền cho từng giao dịch cụ thể và phải nhân danh của thương nhân nước ngoài mà mình phụ thuộc để giao dịch. Đặc trưng này là điểm tương đồng với khái niệm “*Đại diện cho thương nhân*” được quy định tại Điều 141, Luật Thương mại 2005. Cụ thể, văn phòng đại diện và đại diện cho thương nhân cùng thực hiện các nhiệm vụ theo sự ủy quyền của các chủ thể khác và không được tự do thực hiện các hoạt động ngoài phạm vi được giao hoặc được ủy quyền. Tuy vậy, hai khái niệm này vẫn có nhiều điểm khác nhau như việc thành lập một văn phòng đại diện đòi hỏi cần phải đăng ký trong khi việc chỉ định một Đại diện cho thương nhân không quy định yêu cầu này. Và điểm khác nhau quan trọng nhất đó là Đại diện cho thương nhân *được hưởng thù lao đối với hợp đồng được giao kết trong phạm vi đại diện* [14].

(ii) Đặc điểm thứ hai là, *văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài không được hoạt động sinh lợi trực tiếp tại Việt Nam* [14].

Đây là điểm đặc thù của văn phòng đại diện khác biệt so với một hình thức hiện diện thương mại khác của thương nhân nước ngoài là Chi nhánh. Tuy đều là đơn vị phụ thuộc nhưng văn phòng đại diện chỉ có chức năng giới hạn chủ yếu là thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại, nghiên cứu thị trường, tìm kiếm đối tác cho thương nhân và *không được giao kết hợp đồng, sửa đổi, bổ sung hợp đồng đã giao kết của thương nhân nước ngoài* [14]. Trong khi đó, Chi nhánh được quyền hoạt động kinh doanh sinh lời theo các quy định pháp luật: *được quyền giao kết hợp đồng, chuyển lợi nhuận ra nước ngoài và thực hiện các hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động thương mại khác phù hợp quy định pháp luật* [14].

Không được hoạt động thương mại sinh lợi trực tiếp là đặc trưng tương đồng với hầu hết quy định của các nước khác về văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài. Chẳng hạn: Tại Nhật Bản, pháp luật cũng có quy định rằng *văn phòng đại diện có thể tiến hành khảo sát thị trường, thu thập thông tin, mua hàng, và thực hiện quảng cáo, nhưng họ không được phép tham gia vào các hoạt động bán hàng* [26]. Trong sự thay đổi gần đây nhất của Trung Quốc tại Quy chế đăng ký văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Trung Quốc, được Hội đồng Nhà nước thông qua ngày 10/11/2010, có hiệu lực từ ngày 01/3/2011, cũng quy định *không văn phòng đại diện nào được phép tiến hành hoạt động thu lợi nhuận* [16].

(iii) Nội dung hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam chủ yếu là *thực hiện chức năng văn phòng liên lạc, tìm hiểu thị trường, xúc tiến thúc đẩy cơ hội đầu tư kinh doanh của thương nhân mà mình đại diện, không bao gồm ngành dịch vụ mà việc thành lập văn phòng đại diện trong lĩnh vực đó được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành* [7].

Đây là những hoạt động đặc trưng của văn phòng đại diện và cũng là vai trò của chúng khi được thành lập, xuất phát từ đặc điểm là hiện diện của thương nhân ở nước ngoài. Đặc điểm này cũng là đặc trưng của văn phòng đại diện tại một số quốc gia khác: Theo pháp luật Singapore, *văn phòng đại diện phải giới hạn chặt chẽ những hoạt động của nó trong phạm vi nghiên cứu thị trường, nghiên cứu khả thi và thực hiện công tác liên lạc thay mặt cho Công ty mẹ của nó* [33]. Tại Nhật Bản, chức năng hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài cũng bao gồm: *cung cấp thông tin cho Công ty mẹ tại nước sở tại, quảng cáo và quảng bá, nghiên cứu thị trường, mua và lưu giữ tài sản cho Công ty mẹ* [26].

Như vậy, trong phần này tác giả đã trình bày khái niệm và phân tích các

đặc điểm của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài theo pháp luật Việt Nam trong tương quan so sánh với quy định của một số quốc gia khác. Đồng thời để nổi bật các đặc trưng riêng, tác giả thực hiện việc so sánh văn phòng đại diện với hình thức hiện diện thương mại khác của thương nhân nước ngoài là chi nhánh. Việc đối chiếu các đặc điểm của văn phòng đại diện theo quy định của một số quốc gia khác nhằm làm rõ thêm các đặc điểm của một văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài. Nhìn chung, quy sự phân tích và so sánh trong phần này cho thấy khái niệm và các đặc điểm của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài theo pháp luật Việt Nam là tương đồng so với quy định của một số quốc gia được nghiên cứu.

1.2. Quy chế pháp lý về văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài theo pháp luật Việt Nam và pháp luật một số quốc gia trên thế giới

1.2.1. Trình tự, thủ tục cấp, điều chỉnh, cấp lại và gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện

1.2.1.1. Điều kiện cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện

Giấy phép thành lập là một yêu cầu bắt buộc, để đảm bảo văn phòng đại diện tồn tại và hoạt động hợp pháp dưới sự bảo hộ của pháp luật cũng như giúp công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước được thuận tiện. Thương nhân nước ngoài được cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam khi đáp ứng đủ năm điều kiện: (1) Là thương nhân nước ngoài được thành lập, đăng ký kinh doanh theo quy định; (2) Đã hoạt động ít nhất 01 năm, kể từ khi được thành lập hoặc đăng ký; (3) Trường hợp Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài có quy định thời hạn hoạt động thì thời hạn đó phải còn ít nhất là 01 năm tính từ ngày nộp hồ sơ; (4) Nội dung hoạt động phải phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; (5) Trường hợp nội dung hoạt động của văn phòng đại diện không phù hợp với

cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, việc thành lập văn phòng đại diện phải được sự chấp thuận của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành (sau đây gọi chung là Bộ trưởng Bộ quản lý chuyên ngành)”[7]. Pháp luật đặt ra quy định về các điều kiện này là hợp lý vì thương nhân nước ngoài trước hết phải là một thực thể hoạt động có kinh nghiệm và ổn định trên thị trường nước sở tại thì mới có thể mở rộng đầu tư ra các nước khác. Điều kiện thương nhân phải hoạt động từ ít nhất 01 năm trở lên có thể tránh được tình trạng những chủ thể vừa được thành lập chưa có thực lực kinh doanh, còn non trẻ mà đã vội mở rộng mạng lưới đầu tư sẽ không đứng vững trên thị trường cạnh tranh, gây bất lợi cho sự phát triển nền kinh tế nước ta. Bên cạnh đó, nội dung hoạt động của văn phòng đại diện cũng phải phù hợp với cam kết của Việt Nam tại các “sân chơi chung” mà Việt Nam là thành viên, nếu nội dung không phù hợp, quyền quyết định việc thành lập thuộc về các Bộ quản lý chuyên ngành.

Cũng nhằm mục đích kiểm soát nhà nước chặt chẽ, tránh tình trạng doanh nghiệp ở nước ngoài đã hết thời hạn hoạt động nhưng đơn vị trực thuộc vẫn tồn tại, Nghị định 07 quy định thời hạn có hiệu lực của giấy phép thành lập văn phòng đại diện: *“giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của thương nhân nước ngoài có thời hạn 05 năm nhưng không vượt quá thời hạn còn lại của Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài trong trường hợp giấy tờ đó có quy định thời hạn”[7].* Quy định này được tiếp tục kế thừa quy định tại Nghị định 72/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/7/2006 quy định chi tiết Luật thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (“Nghị định 72”), và đều là điểm tiến bộ hơn so với Nghị định 45/2000/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/9/2000 quy định về văn phòng đại

diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài và của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam (“Nghị định 45”) trước đây, cho phép văn phòng đại diện có thời gian hoạt động vĩnh viễn, không cần gia hạn gây ra tình trạng thương nhân nước ngoài đã chấm dứt hoạt động nhưng văn phòng đại diện vẫn tồn tại và tiếp tục hoạt động – “không có “mẹ”, “con” vẫn sống”[29].

Để đảm bảo mục đích quản lý nhà nước, hầu hết các quốc gia đều quy định về thời hạn hoạt động của văn phòng đại diện và tùy theo từng nền kinh tế – chính trị khác nhau mà thời hạn đó khác nhau. Trong khi thời hạn hoạt động của văn phòng đại diện được quy định trong giấy phép thành lập tối đa là 05 năm tại Việt Nam, thì ở một số quốc gia khác thời hạn đó được quy định ngắn hơn, thông thường tối đa là 03 năm. “*Thời hạn có hiệu lực của Giấy chứng nhận phê duyệt thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài theo pháp luật Trung Quốc là 03 năm và phải xin gia hạn hàng năm*” [14]. Singapore cũng quy định “*văn phòng đại diện có thể hoạt động tối đa 03 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động*”[33]. Quy định rút ngắn thời hạn giấy phép như trên có thể giúp cho việc kiểm soát hoạt động của văn phòng đại diện được chặt chẽ và thường xuyên hơn.

Ngoài ra, tại Điều 14, Nghị định 07 cũng quy định những trường hợp không cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện khi: *Thương nhân nước ngoài đề nghị cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện trong thời gian 02 năm, kể từ ngày bị thu hồi giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam; việc thành lập văn phòng đại diện bị hạn chế theo quy định của pháp luật vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội và sức khỏe cộng đồng.*

1.2.1.2. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện

Để được cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam thì thương nhân nước ngoài phải nộp hồ sơ tại Sở Công Thương tỉnh, thành phố

trực thuộc Trung ương nơi thương nhân dự kiến đặt trụ sở của văn phòng đại diện ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao [7]. Đối với văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài nằm trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao, thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ tại Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (sau đây gọi chung là Cơ quan cấp giấy phép) [7]. Thành phần hồ sơ cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện bao gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện; (2) Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài; (3) Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng đại diện; (4) Bản sao báo cáo tài chính hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính; (5) Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu văn phòng đại diện; (6) Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở văn phòng đại diện [7]. Tất cả những giấy tờ trên phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hoá lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam [7].

Khi nhận hồ sơ, Cơ quan Cấp giấy phép kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ, “trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp giấy phép kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ.”[7]. Quy định này giúp những thương nhân nước ngoài chưa quen thuộc với các quy định hành chính của nước ta có thể trong thời gian nhanh chóng nhất hoàn thiện các giấy tờ cần thiết theo hướng dẫn cụ thể của Cơ quan Cấp giấy phép. Trong thời hạn 07

ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan cấp giấy phép cấp hoặc không cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài. Trường hợp từ chối cấp phép phải có văn bản nêu rõ lý do [7]. Trường hợp nội dung hoạt động của văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và trường hợp việc thành lập văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, Cơ quan cấp giấy phép gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cơ quan cấp giấy phép, Bộ quản lý chuyên ngành có văn bản nêu rõ ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý cấp phép thành lập văn phòng đại diện. *Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành, Cơ quan cấp giấy phép cấp hoặc không cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài. Trường hợp không cấp phép phải có văn bản nêu rõ lý do [7].*

Ngoài ra, để được cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện, các tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài phải nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư số 143/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 26/9/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (“Thông tư 143”). “*Mức thu lệ phí cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam là: (a) cấp mới :3.000.000 (ba triệu) đồng/giấy phép; (b) cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn: 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/giấy phép*”[3]. Mức thu lệ phí này đã được quy định từ Thông tư số 133/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 13/8/2012 quy định chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của

thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (“Thông tư 133”) và được giữ nguyên cho đến nay khi Thông tư 143 chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 để thay thế cho Thông tư 133. Thêm vào đó, trong tương quan so sánh với quy định của một số nước trong khu vực thì mức phí thành lập này là thấp hơn: Tại Hoa Kỳ, *“mức lệ phí thành lập văn phòng đại diện từ 100 - 300 đô la Mỹ (“USD”) nhưng cũng có thể phát sinh một số chi phí khác, tổng lệ phí thường không vượt quá 500 USD.* Do vậy, Chính phủ cần xem xét để đưa ra một mức lệ phí mới phù hợp hơn với tình hình phát triển kinh tế đất nước cho văn phòng đại diện trong giai đoạn hiện nay và giai đoạn sắp đến.

Trình tự, thủ tục cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài của các quốc gia trên thế giới được quy định khác nhau tùy vào ý chí của các nhà làm luật và giai cấp cầm quyền của mỗi quốc gia. Hoa Kỳ là một quốc gia có nền kinh tế rất phát triển, do đó có nhiều thương nhân thiết lập văn phòng đại diện tại đây. Và nhằm đảm bảo các hiện diện thương mại nước ngoài trên lãnh thổ của quốc gia mình là những chủ thể có năng lực và sức mạnh kinh tế, có thể góp phần tác động tích cực lên nền kinh tế nước nhà, pháp luật Hoa Kỳ quy định thành phần hồ sơ thành lập văn phòng đại diện rất chặt chẽ, cụ thể như sau: *Để thành lập văn phòng đại diện tại Hoa Kỳ, trước hết công ty Việt Nam phải có đầy đủ giấy tờ thành lập công ty tại Việt Nam bao gồm: Điều lệ thành lập công ty, danh sách cổ đông, sáng lập viên, giấy phép hành nghề tại Việt Nam; các giấy tờ kèm theo xác nhận hoạt động kinh doanh tốt, có hiệu quả do cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các ngân hàng hoặc các công ty kiểm toán độc lập, có uy tín cấp. Mỗi bang có yêu cầu đối với các giấy tờ này và về công chứng giấy tờ khác nhau.*

Như vậy, tương tự với thành phần hồ sơ theo quy định của pháp luật Việt Nam đòi hỏi phải có báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương, để thành lập văn phòng đại diện theo pháp luật Hoa Kỳ cần

có giấy tờ xác nhận hoạt động kinh doanh tốt, có hiệu quả. Việc bắt buộc có giấy tờ xác nhận khả năng tài chính và hoạt động kinh doanh tốt là một quy định hợp lý, có thể giúp hạn chế việc những Công ty có năng lực yếu, không thể đứng vững trong môi trường kinh doanh hoặc không có khả năng thanh toán mà vẫn đặt văn phòng đại diện tràn lan, không những không giúp nền kinh tế phát triển mà còn gây ra sự bất ổn cho thị trường trong nước và tiêu tốn chi phí quản lý của cơ quan có thẩm quyền.

Trong khi đó pháp luật Trung Quốc quy định hồ sơ phải có thêm những giấy tờ sau: *Giấy chứng nhận kinh doanh hợp lệ chứng minh sự tồn tại hợp pháp của doanh nghiệp nước ngoài cho ít nhất 02 năm và bằng chứng về địa chỉ của doanh nghiệp đó; thỏa thuận thành lập công ty; thư bổ nhiệm người trưởng văn phòng đại diện; tài liệu và sơ yếu lý lịch của người này; thư xác nhận uy tín tài chính của doanh nghiệp nước ngoài do các tổ chức tài chính cung cấp; và bằng chứng về việc sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh văn phòng đại diện [16].* Vậy để thành lập văn phòng đại diện ở Trung Quốc, thương nhân nước ngoài phải hoạt động ít nhất 02 năm và có địa chỉ doanh nghiệp cụ thể. Đồng thời quy định hồ sơ cần thư bổ nhiệm và sơ yếu lý lịch của trưởng văn phòng đại diện để quản lý chặt chẽ, cụ thể và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu văn phòng đại diện.

Như vậy, tuy quy định về thành phần hồ sơ thành lập văn phòng đại diện ở mỗi quốc gia có sự khác nhau nhưng tất cả đều vì mục đích quản lý chặt chẽ hơn hoạt động của văn phòng đại diện. Ở tất cả những nước được nghiên cứu, hồ sơ đều đòi hỏi cần có giấy tờ chứng minh sự hiện diện của doanh nghiệp nước ngoài tương tự như yêu cầu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Việt Nam. Điểm chung tiếp theo trong quy định của các quốc gia này là hồ sơ thành lập văn phòng đại diện cần có thư xác nhận hoặc giấy tờ có giá trị tương tự của Ngân hàng hoặc tổ chức tài chính uy tín cung cấp để xác minh tình

trạng tài chính, chứng minh doanh nghiệp nước ngoài hoạt động kinh doanh tốt, đủ khả năng chi trả, trong khi Việt Nam quy định cần báo cáo tài chính để xác minh sự tồn tại và hoạt động thực sự của doanh nghiệp.

1.2.1.3. Trình tự, thủ tục điều chỉnh giấy phép thành lập văn phòng đại diện

Trong quá trình hoạt động, việc thay đổi người đứng đầu, địa chỉ đặt trụ sở, tên gọi hoặc nội dung hoạt động của văn phòng đại diện có thể thường xuyên xảy ra là điều không tránh khỏi và sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của văn phòng đại diện. Do vậy, nhằm mục đích kiểm soát, pháp luật quy định các trường hợp thương nhân nước ngoài phải làm thủ tục điều chỉnh giấy phép thành lập văn phòng đại diện, bao gồm: (1) *thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở*; (2) *thay đổi người đứng đầu của văn phòng đại diện*; (3) *thay đổi tên gọi của văn phòng đại diện*; (4) *thay đổi nội dung hoạt động của văn phòng đại diện*; (5) *thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc trong khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý* [7].

Để thay đổi những vấn đề nêu trên, thương nhân nước ngoài phải lập hồ sơ đề nghị Cơ quan *Cấp giấy phép nơi đã cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện* tiến hành việc điều chỉnh nội dung ghi trong giấy phép trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi [7]. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép tương đối đơn giản, bao gồm: *Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép thành lập văn phòng đại diện do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký; các tài liệu chứng minh về nội dung thay đổi; và bản gốc giấy phép thành lập văn phòng đại diện đã được cấp* [7]. Việc quy định thành phần hồ sơ đơn giản sẽ tạo điều kiện dễ dàng cho thương nhân nước ngoài trong việc điều chỉnh giấy phép, khuyến khích các văn phòng đại diện thực hiện đăng ký thay đổi đúng pháp luật. Thủ tục điều chỉnh giấy phép thành lập

văn phòng đại diện được quy định rất nhanh chóng và thuận tiện cho văn phòng đại diện thực hiện, *“trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan cấp giấy phép điều chỉnh hoặc không điều chỉnh giấy phép thành lập văn phòng đại diện. Trường hợp không điều chỉnh phải có văn bản nêu rõ lý do”*[7]. Quy định thủ tục hành chính gọn gàng, nhanh chóng sẽ có tác động tích cực cho việc quản lý của cơ quan nhà nước Việt Nam hiệu quả hơn với việc tuân thủ các quy định pháp luật của văn phòng đại diện khi có sự thay đổi quan trọng trong quá trình hoạt động.

1.2.1.4. Trình tự, thủ tục cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện

Thương nhân nước ngoài làm thủ tục cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện trong những trường hợp sau đây: (1) *chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý khác.* (2) *giấy phép thành lập văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức.*[7] Đây là các trường hợp thay đổi có tác động trực tiếp đến hoạt động của văn phòng đại diện và hoạt động quản lý hành chính nên đòi hỏi cần có một thủ tục, trình tự thực hiện chi tiết. Mỗi trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép thành lập khác nhau đều có quy định cụ thể khác nhau về thành phần hồ sơ và trình tự thực hiện. Trình tự, thủ tục này cũng được quy định cụ thể, rõ ràng tại Điều 19, Điều 20 Nghị định 07 và tương đối đơn giản, dễ dàng thực hiện cho thương nhân nước ngoài. *Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của thương nhân nước ngoài, Cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện. Trường hợp không cấp lại phải có văn bản nêu rõ lý do* [7].

1.2.1.5. Trình tự, thủ tục gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện

Văn phòng đại diện được phép hoạt động ở nước ta trong một thời hạn nhất định và phải đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước. *Hết thời hạn ghi trong giấy phép thành lập, văn phòng đại diện phải chấm dứt hoặc duy trì hoạt động bằng thủ tục xin gia hạn hoạt động với thời hạn bằng thời hạn của giấy phép là 05 năm và không vượt quá thời hạn còn lại của Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài [7]. Thương nhân nước ngoài được gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện khi hết thời hạn quy định trong giấy phép, trừ trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật bị buộc thu hồi giấy phép [7].*

Khi thực hiện thủ tục gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện, thương nhân nước ngoài chuẩn bị hồ sơ theo quy định, bao gồm: (1) *Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện;* (2) *Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài;* (3) *Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất;* (4) *Bản sao giấy phép thành lập văn phòng đại diện đã được cấp [7].* Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Cơ quan cấp Giấy phép hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến trong thời hạn ít nhất 30 ngày trước khi giấy phép thành lập văn phòng đại diện hết hạn. *Thời hạn để cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không gia hạn thì phải có văn bản nêu rõ lý do [7].*

1.2.1.6. Cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam bao gồm: (1) *Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thương nhân dự kiến đặt trụ sở văn phòng đại diện ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao trong trường hợp việc thành lập văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành*; (2) *Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (sau đây gọi chung là Ban quản lý) thực hiện việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi giấy phép thành lập văn phòng đại diện và chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện đặt trụ sở trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao trong trường hợp việc thành lập văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành* [7]. Các cơ quan này đều là cơ quan quản lý các hoạt động kinh doanh, thương mại trên phạm vi địa bàn hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do vậy cũng có chức năng quản lý hoạt động của các văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài. Định kỳ hàng năm Cơ quan cấp giấy phép có nhiệm vụ báo cáo Bộ Công thương về tình hình cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện.

1.2.2. Tổ chức và hoạt động của văn phòng đại diện

1.2.2.1. Tổ chức quản lý văn phòng đại diện

Người đứng đầu văn phòng đại diện là người chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động của thương nhân nước ngoài ủy quyền cho văn phòng đại diện, thay mặt cho thương nhân nước ngoài giao dịch với cá nhân, tổ chức kinh tế khác và cơ quan nhà nước Việt Nam. Người đứng đầu văn phòng đại diện thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Thương mại và

các quy định khác như: *Không được kiêm nhiệm các chức vụ: người đứng đầu Chi nhánh của cùng một thương nhân nước ngoài; người đứng đầu Chi nhánh của thương nhân nước ngoài khác; người đại diện theo pháp luật của thương nhân nước ngoài đó hoặc thương nhân nước ngoài khác; người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định pháp luật Việt Nam* [7]. Quy định này nhằm tách bạch vai trò của người đứng đầu văn phòng đại diện, họ chỉ đại diện cho một thương nhân nước ngoài tránh nhập nhằng trong quan hệ với đối tác hoặc với cơ quan nhà nước. Đồng thời cũng ngăn chặn việc người đứng đầu văn phòng đại diện lợi dụng ký kết các hợp đồng thương mại hoặc thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật. Trong khi đó, quy định “*Trong trường hợp người đứng đầu văn phòng đại diện được thương nhân nước ngoài ủy quyền giao kết hợp đồng, sửa đổi, bổ sung hợp đồng đã giao kết thì thương nhân nước ngoài phải thực hiện việc ủy quyền bằng văn bản cho từng lần giao kết hợp đồng, sửa đổi, bổ sung hợp đồng đã giao kết*”[7] có thể sẽ gây mất thời gian, trở ngại cho giao dịch, và làm vượt mất thời cơ của thương nhân.

Pháp luật Việt Nam không quy định hạn chế số lượng nhân viên hoạt động trong văn phòng đại diện và số lượng người nước ngoài được phép làm việc trong văn phòng đại diện mà chỉ quy định chung chung là *phải thực hiện theo quy định pháp luật về lao động và phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt nam là thành viên* [7]. Tương tự, rất ít các quốc gia đặt ra quy định hạn chế về số lượng nhân viên hoạt động cho một văn phòng đại diện. Tuy nhiên, Trung Quốc trong những thay đổi gần đây lại đặt ra hạn chế này, quy định rõ “*số nhân viên của văn phòng đại diện tối đa là 04 người nhưng có thể có ngoại lệ*”[11]. Tại Nhật Bản, để được thành lập văn phòng đại diện, thương nhân nước ngoài cũng phải tuân thủ điều kiện “*tuyển dụng từ 02 nhân viên Nhật trở lên*”. Theo đánh giá của tác giả, việc

quy định giới hạn số lượng nhân viên trong văn phòng đại diện có thể giảm thiểu được tình trạng văn phòng đại diện tuyển dụng nhiều nhân viên và hoạt động với quy mô lớn như Công ty nhưng sẽ đặt ra một rào cản đối với những văn phòng đại diện của các Công ty lớn, cần nhiều nhân viên để thực hiện các nhiệm vụ khảo sát thị trường, xúc tiến hợp đồng, dự án cho doanh nghiệp mẹ. Ngược lại, quy định buộc tuyển dụng một số lượng nhất định nhân viên bản xứ lại vừa có tác dụng giải quyết việc làm và bảo vệ người lao động trong nước, vừa đem lại thuận lợi cho thương nhân đặt văn phòng đại diện trong hoạt động khảo sát thị trường, thu thập được những thông tin chính xác nhất.

1.2.2.2. Phạm vi hoạt động của văn phòng đại diện

Phạm vi hoạt động của văn phòng đại diện tập trung ở các hoạt động: *thực hiện chức năng văn phòng liên lạc, tìm hiểu thị trường, xúc tiến thúc đẩy cơ hội đầu tư kinh doanh của thương nhân mà mình đại diện, không bao gồm ngành dịch vụ mà việc thành lập văn phòng đại diện trong lĩnh vực đó được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành [7]*. Hầu hết các quốc gia đều quy định phạm vi hoạt động của văn phòng đại diện tương tự Việt Nam: Theo pháp luật của Úc, hoạt động của văn phòng đại diện chỉ giới hạn trong việc thực hiện hoạt động liên lạc và khảo sát bao gồm: *Thực hiện khảo sát kinh tế Úc; liên lạc với khách hàng Úc hoặc khách hàng tiềm năng; cung cấp thông tin chính xác về sản phẩm và dịch vụ của công ty khi có yêu cầu [13]*. Tại Trung Quốc, văn phòng đại diện có thể tiến hành các hoạt động liên quan đến việc kinh doanh của doanh nghiệp nước ngoài như nghiên cứu thị trường, tham gia triển lãm và xúc tiến thương mại liên quan đến sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp nước ngoài [16].

Tuy nhiên, phạm vi của hoạt động xúc tiến thương mại của văn phòng đại diện tại Việt Nam được quy định tại Nghị định 07 chỉ dừng lại là việc thúc đẩy, tìm kiếm cơ hội xây dựng các dự án hợp tác của thương nhân nước ngoài

chứ không bao hàm rộng như hoạt động xúc tiến thương mại được quy định trong Luật Thương mại 2005 *bao gồm khuyến mại, quảng cáo thương mại, trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ và hội chợ triển lãm thương mại* [14]. *Cụ thể phạm vi hoạt động được giới hạn như sau, văn phòng đại diện không được khuyến mại hoặc thuê thương nhân khác thực hiện khuyến mại cho thương nhân mà mình đại diện* [14]; *không được trực tiếp thực hiện các hoạt động sau: (1) quảng cáo thương mại, (2) trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ của thương nhân do mình đại diện, (3) tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm thương mại; trừ trường hợp được thương nhân ủy quyền thì văn phòng đại diện có thể ký hợp đồng với thương nhân kinh doanh các dịch vụ nêu trên để thực hiện xúc tiến thương mại cho thương nhân mà mình đại diện* [14]. Trong khi đó, một số quốc gia cho phép văn phòng đại diện hoạt động trong phạm vi rộng hơn như: *văn phòng đại diện tại Nhật Bản còn có thể tiến hành khảo sát thị trường, thu thập thông tin, mua hàng, và thực hiện quảng cáo. Điều 247 Luật Thương mại Campuchia 2005 cho phép văn phòng đại diện có thể trưng bày hàng hóa tại hội chợ triển lãm hoặc tại chính văn phòng của chúng* [26]. Tại Singapore, *văn phòng đại diện cũng được phép tham gia triển lãm và hội chợ thương mại* [33]. Quy định mở rộng phạm vi hoạt động như vậy sẽ tạo điều kiện cho văn phòng đại diện thực hiện tốt hơn nhiệm vụ khảo sát thị trường, tìm kiếm đối tác cho thương nhân và chứng tỏ được mức ưu đãi cao của Chính phủ cho thương nhân nước ngoài.

1.2.3. Quyền và nghĩa vụ của văn phòng đại diện

1.2.3.1. Quyền của văn phòng đại diện

Văn phòng đại diện có quyền thực hiện các hoạt động theo quy định của Luật Thương mại 2005 *bao gồm: Hoạt động đúng mục đích, phạm vi và thời hạn được quy định trong giấy phép thành lập; Thuê trụ sở, thuê, mua các phương tiện, vật dụng cần thiết cho hoạt động của văn phòng đại diện; Tuyển*

dụng lao động là người Việt Nam, người nước ngoài để làm việc tại văn phòng đại diện; Mở tài khoản bằng ngoại tệ, bằng đồng Việt Nam có gốc ngoại tệ tại ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam và chỉ được sử dụng tài khoản này vào hoạt động của văn phòng đại diện; Có con dấu mang tên văn phòng đại diện; và các quyền khác theo quy định của pháp luật Việt Nam [14].

Ở hầu hết các quốc gia văn phòng đại diện đều được quyền mở tài khoản tại Ngân hàng, tuy nhiên theo *pháp luật Nhật Bản*, văn phòng đại diện không có tư cách pháp nhân nên không thể mở tài khoản hoặc cho thuê bất động sản mà những thỏa thuận đó phải được ký trên danh nghĩa của công ty nước ngoài hoặc người đại diện của thương nhân nước ngoài với tư cách cá nhân [26]. Chính vì giao dịch được thực hiện dưới danh nghĩa của người đại diện, nên người này phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với tất cả giao dịch này. Như vậy, việc người đại diện có toàn quyền quyết định các hoạt động giao dịch của văn phòng đại diện có thể đặt Công ty mẹ vào nguy cơ bị lạm dụng.

1.2.3.2. Nghĩa vụ của văn phòng đại diện

Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài phải tuân thủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm: *Không được thực hiện hoạt động sinh lợi trực tiếp tại Việt Nam; chỉ được thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại trong phạm vi pháp luật cho phép; không được giao kết hợp đồng, sửa đổi, bổ sung hợp đồng đã giao kết của thương nhân nước ngoài, trừ trường hợp Trưởng văn phòng đại diện có giấy ủy quyền hợp pháp của thương nhân nước ngoài hoặc các trường hợp khác được pháp luật cho phép; nộp thuế, phí, lệ phí và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác; báo cáo hoạt động của văn phòng đại diện; và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật [14].* Các quy định này hoàn toàn phù hợp với đặc điểm về chức năng của văn phòng đại diện tại Việt Nam và các văn phòng đại diện trong quá trình hoạt động phải nghiêm túc tuân thủ các nghĩa vụ này.

1.2.4. Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện

1.2.4.1. Các trường hợp chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện

Chấm dứt hoạt động là việc thương nhân nước ngoài không tiếp tục hoạt động hoặc không được phép tiếp tục hoạt động tại Việt Nam. Pháp luật quy định văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau: *Theo đề nghị của thương nhân nước ngoài; Khi thương nhân nước ngoài chấm dứt hoạt động theo pháp luật quốc gia, vùng lãnh thổ nơi thương nhân nước đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh; Hết thời hạn hoạt động theo giấy phép thành lập văn phòng đại diện mà thương nhân nước ngoài không đề nghị gia hạn; Hết thời gian hoạt động theo giấy phép thành lập văn phòng đại diện mà không được cơ quan cấp giấy phép đồng ý gia hạn; Bị thu hồi giấy phép thành lập văn phòng đại diện* [7]. Từ những trường hợp pháp luật quy định cụ thể như trên, có thể tóm gọn lại văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động bởi hai lý do chính như sau: *Lý do thứ nhất* là do ý chí của thương nhân nước ngoài. văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của thương nhân nước ngoài và không có tư cách pháp nhân nên mọi hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam đều do thương nhân nước ngoài chịu trách nhiệm. Do vậy, khi thương nhân nước ngoài đề nghị chấm dứt hay không gia hạn giấy phép thành lập khi hết hạn hoạt động hoặc thương nhân nước ngoài không còn tồn tại thì văn phòng đại diện buộc phải chấm dứt hoạt động. *Lý do thứ hai*, các văn phòng đại diện chịu sự thanh tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam nên thương nhân nước ngoài muốn chấm dứt hoạt động phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chấp thuận. Trường hợp Giấy phép thành lập của văn phòng đại diện bị thu hồi hoặc hết hạn mà cơ quan có thẩm quyền gia hạn không đồng ý thì văn phòng đại diện cũng sẽ bị chấm dứt hoạt động.

1.2.4.2. Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện

Việc chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện được thực hiện theo trình tự, thủ tục nhất định do pháp luật quy định. Cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của mình về việc chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ từ thương nhân nước ngoài. Hồ sơ chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện được nộp tại Cơ quan cấp giấy phép bao gồm: (1) *Thông báo về việc chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện*; (2) *Bản sao văn bản của Cơ quan cấp giấy phép không gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện hoặc bản sao Quyết định thu hồi giấy phép thành lập văn phòng đại diện* (3) *Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội*; (4) *Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động*; (5) *Bản chính giấy phép thành lập văn phòng đại diện* [7]. Ngoài việc thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định, thương nhân nước ngoài, văn phòng đại diện, phải niêm yết công khai về việc chấm dứt hoạt động tại trụ sở của văn phòng đại diện và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật khi văn phòng đại diện, Chi nhánh chấm dứt hoạt động.

1.2.5. Chế độ kiểm soát và xử phạt vi phạm hành chính các hoạt động của văn phòng đại diện

1.2.5.1. Chế độ kiểm soát hoạt động của văn phòng đại diện

Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài hoạt động tại Việt Nam có nghĩa vụ phải tuân thủ pháp luật Việt Nam nói chung và chế độ kiểm soát của cơ quan nhà nước nói riêng. *Trước ngày 30 tháng 01 hàng năm, văn phòng đại diện có trách nhiệm gửi báo cáo theo mẫu của Bộ Công Thương về hoạt động của mình trong năm trước đó qua đường bưu điện tới Cơ quan cấp giấy phép. văn phòng đại diện có nghĩa vụ báo cáo, cung cấp tài liệu hoặc*

giải trình những vấn đề có liên quan đến hoạt động của mình theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền [07].

Cũng có quy định tương tự pháp luật nước ta, văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài ở Trung Quốc phải nộp báo cáo hàng năm cho cơ quan đăng ký có thẩm quyền trong thời gian từ ngày 01 tháng 3 đến ngày 30 tháng 6. *Nội dung của báo cáo hàng năm bao gồm thông tin về sự tồn tại hợp pháp của doanh nghiệp nước ngoài, chi tiết các hoạt động liên quan đến kinh doanh mà văn phòng đại diện tham gia và các khoản thu chi như kiểm toán của đơn vị kế toán và các thông tin liên quan khác chi phí được kiểm toán bởi một công ty kế toán và các thông tin liên quan [16].* Tương tự, Luật Liên bang Nga quy định văn phòng đại diện thực hiện các hoạt động tiếp thị và hoạt động phụ trợ khác cũng phải nộp báo cáo hoạt động, báo cáo thu nhập và tất cả các báo cáo liên quan đến tiền lương và thuế xã hội. *Việc báo cáo thực hiện hàng quý, ngoại trừ báo cáo thuế Giá trị gia tăng được lập hàng tháng nộp cho Thanh tra thuế chuyên trách về văn phòng đại diện [13].* Như vậy để kiểm soát tốt hoạt động của văn phòng đại diện, Chính phủ đặt ra quy định về chế độ báo cáo định kỳ là hợp lý.

Không chỉ thực hiện kiểm soát bằng việc đặt ra quy định báo cáo hàng năm, văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài chịu sự thanh tra, kiểm tra định kì hoặc trong các trường hợp cần thiết theo quy định của pháp luật Việt Nam từ các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ Sở Công thương, Ban quản lý. Việc thanh tra thường xuyên sẽ giúp cơ quan quản lý phát hiện kịp thời các vi phạm để có biện pháp xử phạt theo đúng quy định. Đồng thời cũng góp phần tạo điều kiện cho các cơ quan quản lý nắm bắt tình hình hoạt động cũng như tiếp thu các kiến nghị về khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động của văn phòng đại diện để hỗ trợ, giúp đỡ hoặc có chính sách tháo gỡ kịp thời.

1.2.5.2. Chế độ xử lý vi phạm đối với văn phòng đại diện

Để kiểm soát hoạt động của các văn phòng đại diện và đảm bảo cho việc tuân thủ quy định pháp luật đồng thời răn đe các hành vi vi phạm của thương nhân nước ngoài, Nhà nước cần áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính. Hiện tại chế độ xử lý vi phạm về các hoạt động của văn phòng đại diện được quy định chi tiết tại Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (“Nghị định 185”). *Tùy mức độ, tính chất của vi phạm trong hoạt động của mình, văn phòng đại diện có thể bị xử lý bằng hình thức xử lý vi phạm hành chính hoặc thu hồi giấy phép thành lập. Cụ thể, văn phòng đại diện có thể bị phạt tiền, mức tối thiểu là 5.000.000 (năm triệu) đồng, mức phạt tiền tối đa với các vi phạm có tính chất chuyên nghiệp và nặng hơn là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng [6].* văn phòng đại diện sẽ bị thu hồi giấy phép thành lập với những vi phạm nghiêm trọng hơn như: *Không hoạt động trong 01 năm và không phát sinh các giao dịch với Cơ quan cấp giấy phép; Không báo cáo về hoạt động của văn phòng đại diện trong 02 năm liên tiếp; Không gửi báo cáo trước ngày 30 tháng 1 hàng năm tới Cơ quan cấp giấy phép trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo hoặc có yêu cầu bằng văn bản [7].*

Trường hợp Trưởng văn phòng đại diện vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đến 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng mỗi hành vi vi phạm [6].

Kết luận Chương 1

Tóm lại, trong nội dung Chương 1, tác giả đã trình bày những quy định điều chỉnh hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam theo quy định chủ đạo của Luật Thương mại 2005, Nghị định 07 và các Nghị định, Thông tư khác có liên quan. Bên cạnh đó, tác giả kết hợp tìm hiểu một số kinh nghiệm quốc tế để thấy được điểm tương đồng và khác biệt trong quy định của pháp luật Việt Nam so với các quốc gia khác.

Có thể thấy rằng, trong mối tương quan của hệ thống pháp luật về văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài, pháp luật Việt Nam tuy có quy định riêng về Luật trực tiếp điều chỉnh, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện nhưng vẫn chưa có được sự chặt chẽ và các quy định cần thiết để quản lý tốt hình thức văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài. Luật Thương mại 2005 sau 12 năm có hiệu lực vẫn còn nhiều điểm chưa được ghi nhận cụ thể để được thực hiện tại các Nghị định, Thông tư hướng dẫn. Trong khi đó, Nghị định và Thông tư hướng dẫn đều đã có sự thay đổi theo chu kỳ trung bình 5 năm/lần nhưng vẫn chưa cho thấy được sự bứt phá và phù hợp với thực tiễn hoạt động của các văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài.

Qua việc nghiên cứu pháp luật về văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài của Việt Nam và một số quốc gia tiêu biểu cho các truyền thống pháp luật có tầm ảnh hưởng trên thế giới và các quốc gia có điều kiện kinh tế – xã hội gần gũi với Việt Nam tại chương này, tác giả có thể rút ra kết luận sơ bộ như sau: Quy định của pháp luật Việt Nam tuy đã kiểm soát được hoạt động của văn phòng đại diện nhưng vẫn còn những thiếu sót, kẽ hở và chúng tôi cần phải được sửa đổi để đảm bảo quản lý nhà nước chặt chẽ hơn. Để thực hiện mục tiêu của Luận văn là đưa ra những giải pháp sửa đổi các quy định

bất cập hoặc khắc phục những kẽ hở còn tồn tại, tác giả sẽ tiếp tục nghiên cứu thực trạng và những bất cập trong hoạt động và áp dụng pháp luật của văn phòng đại diện tại Việt Nam hiện nay trong Chương 2 tiếp sau đây.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM

2.1. Tác động tích cực và tiêu cực của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài đối với nền kinh tế Việt Nam hiện nay

2.1.1. Tác động tích cực

Hiện nay ở Việt Nam, đặc biệt là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, có rất nhiều văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài đang hoạt động. Mặc dù phạm vi hoạt động chỉ là thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư, nhưng chúng đã có những đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

Thứ nhất, văn phòng đại diện đã góp phần rất quan trọng trong chính sách mở rộng hợp tác quốc tế và thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài của nước ta. Các tập đoàn đa quốc gia, các Công ty muốn mở rộng thị trường kinh doanh vượt ra ngoài biên giới nội địa trong giai đoạn tìm hiểu ban đầu thì hình thức văn phòng đại diện được ưu tiên lựa chọn. Một khi văn phòng đại diện đánh giá và cung cấp các thông tin tích cực về thị trường Việt Nam thì thương nhân nước ngoài sẽ không ngần ngại đưa vốn xây dựng các dự án đầu tư. Dù bằng hình thức nào, đầu tư trực tiếp hay đầu tư gián tiếp, thì càng nhiều dự án đầu tư nước ngoài được thành lập, lượng vốn đầu tư đổ vào Việt Nam sẽ càng tăng. Đáng lưu ý là các dự án đầu tư, các công trình xây dựng do công ty mẹ trúng thầu ở Việt Nam được các văn phòng đại diện thúc đẩy, giám sát thực hiện một cách rất hiệu quả. Từ đó nền kinh tế nước nhà được thúc đẩy tăng trưởng mạnh mẽ và văn phòng đại diện chính là nhân tố đóng vai trò cầu nối quan trọng trong việc mở rộng quan hệ kinh tế giữa Việt Nam với thế giới.

Thứ hai, với chức năng chính là hoạt động xúc tiến thương mại và hoạt động tìm kiếm thị trường cho thương nhân nước ngoài, văn phòng đại diện đã góp phần đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu tại Việt Nam. Theo TS. Phạm Sỹ Chung – Nguyên Hàm Vụ trưởng, Vụ Kế hoạch, Bộ Công thương đã phát biểu tại hội thảo lấy ý kiến sửa đổi Nghị định số 72/2006/NĐ-CP: văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài đã có nhiều đóng góp cho xuất nhập khẩu tại Việt Nam thông qua hoạt động xúc tiến thương mại. Cụ thể, trong năm 2010, kim ngạch xuất khẩu và gia công thông qua các văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài chiếm 17,2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu 71,6 tỉ đô la Mỹ của cả nước [35].

Thứ ba, thông qua sự thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu, văn phòng đại diện cũng góp phần điều phối sự lưu thông hàng hóa tại thị trường Việt Nam. Cụ thể, khi tìm hiểu thị trường, thương nhân nước ngoài có thể nhận biết được các hàng hóa, dịch vụ chưa phát triển hoặc còn thiếu và tiến hành nhập khẩu các hàng hóa, dịch vụ đó vào thị trường nước ta và cùng lúc, đem những hàng hóa là thế mạnh của Việt Nam xuất khẩu đến những thị trường còn thiếu để thu lợi. Điển hình hơn, trong quan hệ giữa Việt Nam và Liên Bang Nga, theo thống kê của Bộ Công thương cho thấy “Trao đổi thương mại song phương hiện đang duy trì tốc độ tăng trưởng tốt, năm 2016 đạt 2,7 tỷ USD, tăng 23% so với năm 2015. Hai tháng đầu năm 2017 đạt 452 triệu USD, tăng 27% so với cùng kỳ.”[35]. Trong bối cảnh thị trường Nga hiện nay, nhu cầu tiêu dùng của người dân về các mặt hàng như quần áo, giày dép, nông sản và thực phẩm chế biến là rất mạnh và hầu như các doanh nghiệp nội địa chưa thể đáp ứng được nhu cầu đó một cách triệt để, chủ yếu phải thông qua nhập khẩu từ nước ngoài. Những mặt hàng đó lại là nhóm hàng thế mạnh của Việt Nam, nên để nắm bắt cơ hội mới tại thị trường Nga, vấn đề đặt ra đối với các doanh nghiệp Việt Nam là phải nhanh chóng, chủ động phát triển kênh phân phối hàng hóa

của mình bằng việc mở Chi nhánh, văn phòng đại diện để giới thiệu trực tiếp sản phẩm đến với khách hàng. Từ đó, có thể thấy văn phòng đại diện góp phần không nhỏ tới sự tăng trưởng của hoạt động xuất nhập khẩu, mà qua đó thị trường được điều phối đa dạng, cân bằng hơn.

Thứ tư, không chỉ đem lại lợi ích kinh tế, *văn phòng đại diện còn góp phần giải quyết việc làm và bảo vệ quyền lợi cho người lao động Việt Nam.* Vì hiện nay lao động Việt Nam rất được chú trọng đào tạo tại các Trường Đại học, các Trung tâm dạy nghề uy tín trong nước và cả nước ngoài, họ có trình độ chuyên môn cao, đủ khả năng thay thế các chuyên gia nước ngoài làm việc trong nhiều lĩnh vực ở các văn phòng đại diện.

Hơn nữa, khi làm việc tại các văn phòng đại diện, lao động Việt Nam sẽ có cơ hội được tiếp thu các kỹ năng quản lý, được đào tạo nâng cao trình độ điều hành doanh nghiệp, kinh nghiệm tiếp cận thị trường, xúc tiến thương mại mà thương nhân nước ngoài mang tới. Từ đó năng lực và chất lượng của lao động nước ta ngày càng tăng cao trong môi trường làm việc chuyên nghiệp, phù hợp với xu thế hiện đại.

Thứ năm, *văn phòng đại diện có mặt ở Việt Nam còn thúc đẩy các ngành dịch vụ khác có liên quan phát triển như khách sạn, cao ốc văn phòng, siêu thị, giải trí, y tế, giáo dục, nhà cho thuê và những lợi ích vô hình khác.* Thông qua hoạt động thuê văn phòng làm việc, dịch vụ cho thuê cao ốc văn phòng của nước ta phát triển đặc biệt ở những thành phố có nhiều văn phòng đại diện như Hà Nội và Hồ Chí Minh. Việc mở văn phòng đại diện cũng kéo theo nhiều người nước ngoài sang sinh sống, làm việc tại Việt Nam với mức sống và nhu cầu sử dụng các dịch vụ cao cấp, chất lượng. Từ đó quy luật tất yếu rằng có cầu ắt sẽ có cung, họ phần nào tạo điều kiện làm gia tăng các loại hình giải trí cao cấp như golf, tennis, dịch vụ y tế, giáo dục, cho thuê nhà... Ngoài ra, để phục vụ cho hoạt động của mình, văn phòng đại diện phải thuê,

mua các phương tiện, vật dụng cần thiết như trang thiết bị văn phòng. Ước tính giá trị mua sắm trang thiết bị của các văn phòng đại diện trong nước hàng năm lên tới khoảng vài chục triệu USD.

Cuối cùng, văn phòng đại diện còn đóng góp nguồn thu rất lớn cho ngân sách nhà nước từ việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân của lao động làm việc các văn phòng, vì họ thường được thương nhân nước ngoài trả lương rất cao. Theo thống kê của Bộ Công thương: Tại Hà Nội, tính đến năm 2010, các văn phòng đại diện nộp thuế đối với người có thu nhập cao cho ngân sách, trung bình 10 - 11 tỷ đồng/tháng. Ở Thành phố Hồ Chí Minh con số này là 951,9 tỷ đồng [8].

Từ những lợi ích cụ thể mà tác giả đã phân tích ở trên, có thể khẳng định rằng văn phòng đại diện tuy không có chức năng tham gia vào hoạt động kinh doanh nhưng đã có những đóng góp rất tích cực vào sự phát triển kinh tế của đất nước. Do đó cần tạo một hành lang pháp lý thông thoáng và nhiều ưu đãi để khuyến khích ngày càng nhiều các thương nhân nước ngoài đặt văn phòng đại diện tại Việt Nam.

2.1.2. Tác động tiêu cực

Theo những phân tích ở trên, sự phát triển của văn phòng đại diện sẽ góp phần kéo theo sự phát triển kinh tế. Nhưng sự phát triển đó luôn có tính hai mặt, bên cạnh những tác động tích cực mà văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài mang lại, vẫn còn tồn tại những tác động tiêu cực cho nền kinh tế quốc gia và hoạt động quản lý hành chính nhà nước khi ngày càng có nhiều văn phòng đại diện vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại. Tuy rằng quy định của pháp luật Việt Nam không cho phép văn phòng đại diện hoạt động thương mại sinh lợi trực tiếp nhưng thương nhân nước ngoài vẫn cố tình hoạt động gian lận, trá hình dưới hình thức văn phòng đại diện để kinh doanh, ký kết hợp đồng thu lợi nhuận trực tiếp cho thương nhân nước

ngoài. Vì văn phòng đại diện được hưởng nhiều chế độ ưu đãi hơn các hình thức đại diện thương mại khác như không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, chi phí duy trì hoạt động thấp, yêu cầu về báo cáo tài chính ở mức tổng quan và chỉ phải thực hiện một lần hàng năm nên càng khuyến khích các thương nhân nước ngoài muốn mở văn phòng đại diện để làm bình phong che chắn cho những hoạt động thương mại thu lợi như một doanh nghiệp thực thụ đằng sau.

Ngoài ra, hàng loạt vi phạm khác của văn phòng đại diện điển hình như hoạt động không đúng nội dung ghi trong giấy phép, không nộp báo cáo định kỳ, không đề nghị thay đổi nội dung giấy phép hoặc không thực hiện đúng quy định khi có thay đổi về nhân sự hoặc địa điểm đặt trụ sở xảy ra một cách thường xuyên khiến cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khó khăn trong việc kiểm soát chặt chẽ và xử lý vi phạm dẫn đến tình trạng “mất quản lý” nhà nước. Do đó, xây dựng một hệ thống pháp luật kiểm soát chặt chẽ vấn đề thành lập, hoạt động của văn phòng đại diện là biện pháp cần thiết để tận dụng và phát huy những lợi ích mà chúng mang lại đồng thời hạn chế tối đa những tác động tiêu cực có thể xảy ra. Như vậy nền kinh tế nước nhà mới có thể phát triển bền vững và ổn định và việc quản lý hành chính của cơ quan nhà nước được đảm bảo hiệu quả.

Qua những phân tích trên, ta có thể nhận thấy rõ ràng rằng văn phòng đại diện có rất nhiều tác động quan trọng tích cực và đáng kể đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam. Mặt khác, chúng cũng đem lại một số tác động tiêu cực tuy không lớn so với những đóng góp tích cực. Việc này hoàn toàn có thể được khắc phục bằng việc thiết lập một hành lang pháp lý an toàn cùng với chế độ kiểm soát chặt chẽ hơn của các cơ quan có thẩm quyền. Do vậy, cần phát huy tối đa những ảnh hưởng tích cực của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài đến sự phát triển kinh tế trong nước đồng thời hạn chế tối đa

những ảnh hưởng tiêu cực mà hình thức này có thể gây ra cho nền kinh tế trong nước.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật và một số bất cập trong việc áp dụng pháp luật về văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

Bên cạnh những con số tích cực đáng kể mà văn phòng đại diện đã đóng góp cho nền kinh tế Việt Nam là rất nhiều vi phạm xảy ra dưới nhiều hình thức khác nhau đã bị phát hiện hoặc vẫn còn tồn tại mà chưa có cơ sở xử lý. “Trong năm 2010, đã có 145 văn phòng đại diện bị phạt tiền tổng cộng 2,15 tỉ đồng, trong đó vi phạm thường xuyên nhất là thu lợi bất hợp pháp, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ thông tin và dịch vụ”[34]. Đến nay, những vi phạm của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài vẫn có chiều hướng tiếp diễn. Sở Công thương thành phố Hồ Chí Minh cho biết đa số văn phòng đại diện vi phạm việc không thông báo trung thực về nhân công lao động, hoạt động không đúng giấy phép, không mua bảo hiểm cho nhân viên.... Từ đánh giá tổng quát về những vi phạm của văn phòng đại diện, tác giả sẽ đi sâu phân tích chủ yếu những vấn đề thường xuyên xảy ra và nổi bật nhất trong hiện trạng hoạt động của các văn phòng hiện nay. Bức tranh toàn cảnh về hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài có thể được khái quát bằng những vấn đề chính xoay quanh việc thành lập, hoạt động, thực hiện quyền và nghĩa vụ của văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật và một số bất cập khi áp dụng pháp luật còn tồn tại, cụ thể như sau:

2.2.1. Một số vấn đề về đăng ký, điều chỉnh, gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện

Thực trạng cho thấy nhiều văn phòng đại diện không tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam về đăng ký hoạt động, điều chỉnh, gia hạn giấy phép thành lập. Các sai phạm chủ yếu là không thực hiện đăng ký hoạt động; không thông

báo thay đổi trụ sở, thay đổi trưởng văn phòng đại diện; không làm thủ tục gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện theo quy định... Theo số liệu thống kê của các Sở Công Thương, đến cuối năm 2010 có: “*Tp. Hồ Chí Minh có 2.378 văn phòng đại diện, Chi nhánh; ở Hà nội có 1.495; ở Quảng Ninh có 7*”[35]. Tuy nhiên đó chưa hẳn đã là con số cụ thể chính xác, vì thực tế còn nhiều những văn phòng đại diện “ảo” tuy được cấp phép nhưng lại không hoạt động. Hay, có một số văn phòng đại diện chỉ hiện diện bằng việc thuê đường dây điện thoại và fax, thay vì có cơ sở hoạt động. Hoặc có những thương nhân nước ngoài thành lập hiện diện thương mại tại Việt Nam bằng hình thức văn phòng đại diện nhưng không hề tiến hành thủ tục đăng ký xin cấp phép với cơ quan nhà nước, hoạt động “chui”, không xin phép nhưng chưa bị phát hiện. Thậm chí họ còn tiến hành hoạt động thương mại, ký kết các hợp đồng với các doanh nghiệp trong nước, như: “*Có văn phòng đại diện của Mỹ chưa có giấy phép hoạt động lại sử dụng con dấu vương tự làm ký kết đến 70 hợp đồng với doanh nghiệp trong nước*”[27]. Những vi phạm kể trên có thể xuất phát từ ý thức tuân thủ pháp luật của chính thương nhân nước ngoài chưa cao hoặc do nguyên nhân từ phía pháp luật còn một số vướng mắc, bất cập gây khó khăn hay còn tồn tại kẽ hở mà thương nhân có thể lợi dụng.

2.2.1.1. *Vướng mắc về phạm vi điều chỉnh của Nghị định 07*

Phạm vi điều chỉnh của Nghị định 07 là các quy định về việc thành lập, hoạt động, quyền và nghĩa vụ của văn phòng đại diện – Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Còn các hoạt động thương mại đặc thù như ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, dịch vụ pháp lý, văn hóa, giáo dục, du lịch hoặc các lĩnh vực nào, thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành của lĩnh vực đó. Tuy nhiên, trong thực tế có nhiều loại hình hoạt động khác của thương nhân nước ngoài như dịch vụ y tế, xây dựng, hỗ trợ khẩn cấp (trong các trường hợp đi công tác hoặc du lịch ở nước ngoài) ... chưa có quy

định trong bất kỳ một văn bản pháp luật nào, nên thương nhân nước ngoài không biết liên hệ với ai để xin cấp phép thành lập.

Chính vì chưa có văn bản chuyên ngành điều chỉnh cấp phép trong một số lĩnh vực thương mại dịch vụ nói trên, nên các thương nhân nước ngoài gặp vướng mắc trong việc đăng ký hoạt động đúng pháp luật dẫn đến tình trạng hoạt động không đúng phạm vi đăng ký trong giấy phép thành lập, đơn cử như *một văn phòng đại diện của Trung Quốc đăng ký lĩnh vực kinh doanh thiết bị nội thất nhưng lại hoạt động tư vấn dịch vụ khám chữa bệnh [27]*, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước. Vấn đề này cũng đã được đặt ra và đề nghị sửa đổi trong thời gian trước đây khi Nghị định 72 có hiệu lực, tuy nhiên, cho đến nay, khi Nghị định 07 thay thế Nghị định 72 có hiệu lực, vẫn chưa có một sự điều chỉnh phù hợp. Do vậy, việc cần thiết mở rộng phạm vi điều chỉnh của Nghị định 07 là rất cần thiết và nên nhanh chóng thực hiện để tạo điều kiện cho các thương nhân nước ngoài hoạt động trong nhiều lĩnh vực thương mại (bao gồm cả thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ chưa có văn bản chuyên ngành quy định) được cấp phép hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

2.2.1.2. Về điều kiện cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện

Thực trạng hiện nay của nước ta cho thấy phát sinh một số trường hợp như: giám đốc (hoặc người đại diện theo pháp luật) của công ty nước ngoài có địa chỉ thường trú tại Việt Nam; công ty nước ngoài có cổ đông là công ty Việt Nam hoặc công dân Việt Nam; công ty Việt Nam đăng ký thành lập ở nước ngoài nhưng mở văn phòng đại diện tại Việt Nam, có trụ sở giao dịch, ban lãnh đạo công ty và toàn bộ hoạt động của công ty đều diễn ra ở Việt Nam ... nhằm hưởng các ưu đãi đặc biệt chỉ dành cho thương nhân nước ngoài. Tuy vậy Nghị định 07 chưa đề cập đến những trường hợp cần hạn chế này mà chỉ mới quy định điều kiện để được cấp phép thành lập văn phòng đại diện là thương nhân được thành lập hợp pháp pháp luật nước ngoài, dẫn đến

một số bất cập xảy ra khi thực thi pháp luật vì những chủ thể nêu trên được thừa nhận là thương nhân nước ngoài là không hợp lý mà theo quy định của Nghị định 07 lại vẫn được chấp nhận hoạt động dưới hình thức này. Chính vì nhiều lý do kể trên nên các cơ quan chức năng rất khó khăn trong việc từ chối cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện cho những chủ thể nói trên khi không có căn cứ pháp luật để áp dụng.

2.2.1.3. Về hồ sơ cấp giấy phép

Theo quy định tại Điều 10 Nghị định 07, để thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam, trước hết thương nhân nước ngoài cần phải chuẩn bị hồ sơ thành lập văn phòng đại diện. Tuy nhiên thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật hiện nay còn chưa đề cập đến một số giấy tờ quan trọng, cần thiết như: giấy tờ xác nhận căn cứ thành lập văn phòng đại diện do thương nhân xác lập, giấy tờ xác nhận tư cách nhân thân của cơ quan có thẩm quyền đối với người đứng đầu văn phòng đại diện. Đây là những loại giấy tờ rất cần thiết mà qua tìm hiểu một số quy định của pháp luật các quốc gia khác đều yêu cầu thành phần hồ sơ xin cấp phép phải có. Do vậy, nếu được bổ sung những giấy tờ kể trên vào văn bản hướng dẫn thì quy định của Việt Nam cũng sẽ chặt chẽ hơn.

2.2.1.4. Về tuân thủ quy định điều chỉnh, gia hạn giấy phép

Qua công tác kiểm tra của cơ quan chức năng, một số văn phòng đại diện còn có các vi phạm như: hoạt động sai mục đích, không nộp báo cáo hoạt động thường kỳ, không điều chỉnh hoặc chậm không điều chỉnh giấy phép khi có thay đổi về nhân sự, trụ sở. Việc thay đổi về nhân sự hoặc trụ sở hay thay đổi tên gọi của văn phòng đại diện là vấn đề rất thường xuyên xảy ra của văn phòng đại diện trong quá trình hoạt động tại nước ta. Theo quy định, họ phải tiến hành thủ tục điều chỉnh giấy phép và thủ tục này rất đơn giản, thuận tiện tiến hành nhưng nhiều văn phòng đại diện vẫn không thực hiện thay đổi hoặc

gia hạn giấy phép. Chỉ đến khi cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra thì hàng loạt văn phòng đại diện mới bị phát hiện không chấp hành quy định của pháp luật. Thực trạng này chứng tỏ công tác quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa đủ kiểm soát được hoạt động của văn phòng đại diện hiện nay, và các biện pháp chế tài xử lý vi phạm các vấn đề nêu trên chưa đủ triệt để nên hiện trạng này vẫn có xu hướng tiếp diễn.

2.2.1.5. Về phí thành lập, điều chỉnh, gia hạn giấy phép

Một vấn đề bất cập lớn còn tồn tại khác là phí thành lập văn phòng đại diện của nước ta hiện nay được giữ nguyên quy định tại Thông tư 133 được ban hành năm 2012 mặc dù ở thời điểm hiện tại, Thông tư 143 chỉ vừa có hiệu lực vào ngày 01/01/2017. Qua năm năm triển khai với bối cảnh kinh tế đã có những bước chuyển biến khác biệt rõ rệt, mức thu lệ phí cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện vẫn không được tăng lên và khả năng sẽ được tiếp tục giữ nguyên trong thời gian vài năm sắp đến. Trong bối cảnh những năm trước đây, khi Việt Nam bắt đầu công cuộc mở cửa hợp tác với mọi quốc gia trên thế giới, xác định con đường kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cộng với những ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu làm ảnh hưởng đến nền kinh tế còn non yếu của nước ta và làm suy giảm nguồn vốn đầu tư nước ngoài cho nền kinh tế trong nước, việc quy định những ưu đãi và cắt giảm dần những rào cản hành chính để nỗ lực thu hút đầu tư nước ngoài, tăng cường hợp tác quốc tế là phù hợp trong giai đoạn này. Trong đó có quy định phí thành lập văn phòng đại diện ở Việt Nam với mức thấp để tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài đưa vốn vào Việt Nam là chấp nhận được. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam đã xây dựng nền kinh tế tương đối vững mạnh và ổn định, cùng với sự trượt giá của đồng tiền, nên mức phí thành lập văn phòng đại diện được giữ nguyên từ năm 2012 đến nay đã hoàn toàn không còn phù hợp.

2.2.2. Vấn đề quy mô, tổ chức hoạt động của văn phòng đại diện

Nghị định 07 tiếp tục không quy định số lượng tối đa nhân viên được phép làm việc trong một văn phòng đại diện nên xuất hiện một số Văn phòng có số lượng nhân viên rất lớn. Những văn phòng khổng lồ với số lượng nhân viên lên đến hàng trăm người, được cơ cấu tổ chức chặt chẽ không thua kém mô hình một Công ty: “Sau nhiều đợt kiểm tra, Sở Thương mại đã phát hiện không ít văn phòng đại diện hoạt động kinh doanh với quy mô lớn, nhân viên đông đến cả trăm người như văn phòng đại diện của Nike (Mỹ), Diethelm (Thụy Sĩ), Maersk (Singapore)...”[29]. Cụ thể, văn phòng đại diện của Nike Inc. (Mỹ) hoạt động trong lĩnh vực dệt may, giày dép có tới 107 nhân viên Việt Nam và 21 nhân viên nước ngoài. văn phòng đại diện Diethelm & Co.Ltd (Thụy Sĩ) hoạt động trong lĩnh vực dược phẩm, hóa chất, hàng tiêu dùng với 133 nhân viên Việt Nam, 6 nhân viên nước ngoài. Trong lĩnh vực giao nhận, văn phòng đại diện Maersk (Singapore) có tới 82 nhân viên cả trong và ngoài nước[30].

Thậm chí không hiếm văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài còn quy mô và chuyên nghiệp hơn cả công ty nhỏ và vừa của Việt Nam. Như gần đây “có những văn phòng đại diện thuê xưởng may hàng ngàn mét vuông, có bộ phận tạo mẫu đầy đủ và hoạt động như một công ty may mặc”[35]. Hoặc điển hình như văn phòng đại diện của Noble Coffee tại thành phố Hồ Chí Minh: Trở thành nhà nhập khẩu cà phê nhất nhì của Việt Nam, có năm chiếm tới 40% sản lượng cà phê xuất khẩu của cả nước. Thế nhưng hàng chục nhân viên của Noble Coffee tại Tp. Hồ Chí Minh hoạt động dưới cái tên: văn phòng đại diện. Nếu ai đã từng tới văn phòng đại diện của Noble Coffee mới biết bộ máy hoạt động của văn phòng này còn quy mô, đồ sộ hơn hẳn các nhà xuất khẩu cà phê bộ máy hoạt động còn quy mô, đồ sộ hơn hẳn các nhà xuất khẩu cà phê tầm cỡ của Việt Nam. Thậm chí văn phòng này còn có phòng thử nếm

cà phê (dân trong nghề gọi là phòng Cuptest) để kiểm tra chất lượng, hương vị cà phê mà hiếm có công ty nào của Việt Nam có được. Nhưng không chỉ có Noble Coffee, hàng chục văn phòng đại diện của các tập đoàn kinh doanh mua bán cà phê trên thế giới gần như đều có mặt ở Tp. Hồ Chí Minh và đều hoạt động dưới danh nghĩa văn phòng đại diện, làm nhiệm vụ xúc tiến nhập khẩu nhưng bản chất thì còn hơn hẳn các Công ty thương mại [36].

Với chức năng chủ yếu là văn phòng liên lạc, thực hiện tìm hiểu thị trường, xúc tiến các dự án và hợp đồng của thương nhân nước ngoài thì việc văn phòng đại diện có số lượng nhân viên quá lớn lên đến hàng trăm người là một sự bất hợp lý. Vì để hoạt động hiệu quả thì tùy quy mô, văn phòng đại diện chỉ cần khoảng trên dưới 10 nhân viên và trưởng văn phòng đại diện đảm nhiệm vai trò quản lý, điều hành là đủ. Việc thương nhân nước ngoài thành lập văn phòng đại diện với số lượng nhân viên khổng lồ và quy mô hoạt động chuyên nghiệp hơn cả một công ty đích thực có thể là một sự trá hình cho hoạt động kinh doanh đằng sau. Và thực chất sau khi Sở Công thương điều tra đã phát hiện: *Các văn phòng đại diện này đều trực tiếp thực hiện giao dịch thương mại, thậm chí công khai đăng báo tuyển dụng lao động với nhiều chức danh: nhân viên tiếp thị, nhân viên bán hàng, thực hiện tất cả các công việc cần thiết phục vụ cho các đơn hàng. Việc giao dịch thanh toán quốc tế tại chi nhánh ngân hàng nước ngoài chẳng những thuận lợi dễ dàng mà còn an toàn, hợp pháp, tránh được sự kiểm soát của Nhà nước [30].*

Như vậy, chính vì lý do không có quy định cụ thể về cơ cấu tổ chức và số người làm việc trong văn phòng đại diện nên trong thời gian qua, lợi dụng sơ hở này các văn phòng đại diện đã tuyển dụng người nước ngoài làm việc vượt quá phạm vi hoạt động của mình. Mà một khi được thả lỏng trong quản lý nhà nước, các thương nhân nước ngoài sẽ hiếm khi đại dốt bỏ lỡ cơ hội kinh doanh trái phép kiếm lợi nhuận. Trong khi để duy trì hoạt động của văn

phòng đại diện không cần thiết phải thiết lập bộ máy nhân viên quy mô lớn thì họ lại đưa vào Việt Nam nhiều lao động nước ngoài nhằm thực hiện những hoạt động thương mại lén lút dưới danh nghĩa văn phòng đại diện để trốn thuế và sự quản lý siết sao của nhà nước. Điều đó chứng tỏ, tình trạng văn phòng đại diện hoạt động sai chức năng có thể tồn tại là chính bởi nguyên nhân sâu xa do pháp luật tạo cơ hội cho họ vi phạm bằng những kẽ hở và sự lỏng lẻo của mình.

Thêm vào đó, Người đứng đầu văn phòng đại diện là người chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động của thương nhân nước ngoài ủy quyền cho văn phòng đại diện, thay mặt cho thương nhân nước ngoài giao dịch với cá nhân, tổ chức kinh tế khác và cơ quan nhà nước Việt Nam. Nhưng hiện nay pháp luật chưa có quy định cụ thể đối với một số trường hợp mà Trưởng văn phòng đại diện không được kiêm nhiệm vì có thể có khả năng xảy ra những hành vi tiêu cực như: Giám đốc các dự án thầu xây dựng; Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị của công ty trong nước hoạt động trong cùng lĩnh vực... Vì trên thực tế họ có thể ký kết hợp đồng, đấu thầu dự án, và văn phòng đại diện sẽ đứng sau thực hiện (chi tiết tại mục 2.2.3), do đó gây khó khăn cho cơ quan quản lý trong quá trình cấp phép.

2.2.3. Vấn đề vi phạm chức năng hoạt động của văn phòng đại diện

Với chức năng luật định gói gọn trong hoạt động tìm hiểu thị trường, xúc tiến dự án đầu tư, đôn đốc thực hiện các hợp đồng mà thương nhân nước ngoài đã ký kết và không được hoạt động kinh doanh sinh lời trực tiếp nên văn phòng đại diện được hưởng rất nhiều ưu đãi đặc biệt là không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Chính vì vậy việc văn phòng đại diện hoạt động vượt quá phạm vi pháp luật cho phép rất dễ phát sinh. Một trong số những vi phạm đó là hiện tượng các văn phòng đại diện hoạt động kinh doanh sinh lời đã tồn tại rất lâu và phổ biến gây ra sự thất thu thuế cho ngân sách nhà nước

đồng thời khiến cơ quan nhà nước khó khăn trong việc quản lý hoạt động của các văn phòng này. Những con số thống kê dưới đây sẽ chứng minh được mức độ nghiêm trọng về các vi phạm về hoạt động vượt quá chức năng pháp luật cho phép của văn phòng đại diện diễn ra trong thời gian qua: Năm 2008, qua kiểm tra, các cơ quan chức năng đã phát hiện và xử lý 260 văn phòng, trong 07 tháng đầu năm 2009, đã xử phạt 42 văn phòng. Các văn phòng thường liên kết với các công ty trong nước trên danh nghĩa đại lý, đối tác để thực hiện các hoạt động có doanh thu, thành lập đội ngũ nhân viên kinh doanh, tiếp thị bán hàng và nhận thu nhập dưới hình thức hoa hồng. Mô hình này phổ biến trong các văn phòng đại diện hoạt động trong lĩnh vực dược phẩm, hàng tiêu dùng (văn phòng đại diện gắn kết với công ty bán hàng đa cấp). Cách làm này đã “lách” được quy định của Việt Nam là không cho phép các văn phòng đại diện trực tiếp kinh doanh sinh lợi [32].

Và việc văn phòng đại diện vi phạm kinh doanh trái phép vẫn tiếp diễn. Theo ông Nguyễn Thanh Sơn, Phó trưởng Phòng Thị trường và Thương nhân nước ngoài - Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2011: “Số này đã xử phạt 145 văn phòng đại diện với số tiền hơn 02 tỉ đồng do hoạt động gian lận, lừa đảo hoặc kinh doanh sinh lợi trái quy định”[31]. Từ những thống kê trên có thể nói đây từ lâu và liên tục đã là một vấn đề nhức nhối cho xã hội và các cơ quan có thẩm quyền của nước ta trong việc kiểm soát khi cùng với thời gian các hình thức trá hình kinh doanh trái phép của văn phòng đại diện ngày càng tinh vi hơn. Với vô vàn những hình thức “lách luật”, có thể là thành lập song song một Công ty Trách nhiệm hữu hạn cùng trụ sở, thường là người nhà của những người làm trong văn phòng đại diện, thậm chí là người nước ngoài bỏ tiền ra cho cô vợ người Việt của mình đứng tên Giám đốc Công ty tư nhân trong nước, thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu, làm hợp đồng, kiểm định, thuê kho bãi đứng tên Công ty trong nước

này[38]. Hoặc lúc giới thiệu, quảng cáo, tuyển nhân sự, thì lấy danh Công ty Trách nhiệm hữu hạn, còn khi ký hợp đồng mua bán thì chuyển tiền vào tài khoản của công ty mẹ ở nước ngoài; hoặc bằng cách lừa đảo những nhà kinh doanh trong nước để ký kết hợp đồng, thậm chí tổ chức kinh doanh bán hàng có doanh thu... và rất nhiều những hình thức khác để thương nhân nước ngoài kiếm lợi trái pháp luật trên hình thức văn phòng đại diện: *Mặc dù Việt Nam không cho phép văn phòng đại diện trực tiếp kinh doanh sinh lợi nhưng nhiều văn phòng đại diện được tổ chức quy mô, chuyên nghiệp đã dễ dàng vô hiệu hóa quy định trên bằng cách gắn kết với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Việt Nam trên danh nghĩa đại lý, đối tác (cùng chung trụ sở, do văn phòng đại diện trực tiếp điều hành) để thực hiện các hoạt động có doanh thu. Hoặc văn phòng đại diện thành lập đội ngũ nhân viên kinh doanh, tiếp thị bán hàng và nhận hoa hồng trên doanh số bán hàng. Mô hình này phổ biến trong các văn phòng đại diện hoạt động trong lĩnh vực dược phẩm, hàng tiêu dung [25].* Theo những phân tích của tác giả trình bày ở mục trước về hiện trạng nhiều văn phòng đại diện được tổ chức với quy mô lớn như một doanh nghiệp, đây rất có thể là bình phong che giấu hoạt động kinh doanh sinh lợi trái phép.

Theo Luật Thương mại 2005 và Nghị định 07, văn phòng đại diện có nhiệm vụ xúc tiến thương mại hỗ trợ công ty mẹ, không được thực hiện hoạt động sinh lợi trực tiếp tại Việt Nam, không được ký kết, sửa đổi hợp đồng nếu không có giấy ủy quyền của thương nhân nước ngoài. Tuy nhiên, cũng theo ông Nguyễn Thanh Sơn: *“Thực tế có những văn phòng đại diện thuê xưởng may hàng ngàn mét vuông, có bộ phân tạo mẫu đầy đủ và hoạt động như một công ty may mặc” [35].* Ngoài ra còn những dẫn chứng điển hình khác về vi phạm trong chủ yếu trong ngành may mặc như *một văn phòng đại diện của Đài Loan mở cả cơ sở may gia công; một văn phòng đại diện của Hồng Kông mở phòng may túi xách. Thậm chí, có văn phòng đại diện của một công ty*

may nhưng thuê cả nhà thiết kế, công nhân hoạt động như doanh nghiệp độc lập để thu lợi nhuận[31]. Và hàng loạt những vi phạm trong lĩnh vực khác đã được nêu trên đây. Hoặc một ví dụ khác về văn phòng đại diện công khai kinh doanh kiếm lời như “Golden Rock, văn phòng đại diện của một thương nhân Hồng Kông tại thành phố Hồ Chí Minh đã từng công khai kinh doanh vàng, đô la Mỹ theo hình thức “đầu tư qua mạng” và đã ôm hơn 10 triệu đô la Mỹ bỏ trốn”[36].

Việc văn phòng đại diện thực hiện các hoạt động kinh doanh xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau như lợi dụng kẽ hở của pháp luật hoặc cũng có thể vì lý do từ phía các cơ quan quản lý nhà nước không có đủ cán bộ để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động thường xuyên. Một lý do khác là vì hình thức chủ yếu để quản lý các văn phòng đại diện là thông qua báo cáo, do vậy khi các văn phòng báo cáo hoạt động thì Cơ quan cấp giấy phép cũng khó bề kiểm tra thực hư. Chính vì trốn được thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế khác khi không chuyển qua công ty thương mại, còn nếu là văn phòng đại diện thì họ chỉ nộp thuế thu nhập cá nhân và kinh doanh núp bóng dưới một công ty trong nước có lợi hơn, nên thương nhân nước ngoài vẫn đội lốt văn phòng đại diện để hoạt động tại Việt Nam.

2.2.4. Vấn đề tuân thủ quy định về chế độ báo cáo của văn phòng đại diện

Thực trạng cho thấy, trong quá trình hoạt động, một số văn phòng đại diện còn không tuân thủ nghiêm túc nghĩa vụ thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng năm theo quy định của pháp luật, báo cáo không đúng sự thật hoặc có thực hiện nhưng báo cáo sơ sài mang tính đối phó [36]. Theo nhận xét của Bộ Công thương: Các văn phòng đại diện về cơ bản đã thực hiện nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, đặc biệt là các công ty, các tập đoàn lớn có thương hiệu đến từ các nước Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU [21]. Tuy nhiên,

tính đến năm 2011, qua công tác kiểm tra của cơ quan chức năng, Bộ Công thương cho biết: *một số văn phòng đại diện vẫn tồn tại vi phạm về không nộp báo cáo hoạt động thường kỳ [21]*. Rà soát lại quy định của pháp luật về chế độ báo cáo định kỳ của văn phòng đại diện, ta có thể nhận thấy được đây gần như là biện pháp quản lý nhà nước duy nhất, thường xuyên và định kỳ của cơ quan chức năng. Các văn phòng đại diện có nghĩa vụ thực hiện báo cáo này theo mẫu BC-1, Phụ lục ban hành kèm Thông tư số 11/2016/TT-BCT của Bộ Công thương ngày 05/7/2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định 07 (“Thông tư 11”). Nhưng thực tế cho thấy đa số các văn phòng đại diện không thực hiện, hoặc thực hiện một cách sơ sài, lầy lệ, không đúng định kỳ dẫn đến tình trạng “mất quản lý” của cơ quan chức năng. Để khắc phục tình trạng này cần xem xét tăng cường các biện pháp kiểm tra của Cơ quan cấp giấy phép, tăng nặng chế tài xử lý vi phạm hoặc giảm thời hạn báo cáo định kỳ ngắn hơn so với thời hạn 01 năm hiện nay.

2.2.5. Vấn đề văn phòng đại diện vẫn tồn tại khi thương nhân nước ngoài chấm dứt hoạt động

Trước đây, theo Nghị định 45 không quy định văn phòng đại diện phải có thời hạn hoạt động nên sau khi được cấp phép một lần, văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài có thể tồn tại mãi mãi không phải gia hạn giấy phép. Do đó sau khi được thành lập, văn phòng đại diện hoạt động mà không có sự kiểm tra từ phía cơ quan quản lý nhà nước, công tác “hậu kiểm” bị bỏ ngỏ. Câu hỏi đặt ra là liệu rằng điều kiện để văn phòng đại diện tồn tại là công ty mẹ ở nước ngoài có còn hoạt động hay không đã bị pháp luật bỏ trống. Vậy nên trong thời gian này, nhiều văn phòng đại diện nghiêm nhiên tồn tại vĩnh viễn. Cơ chế sai lầm này đã được khắc phục khi Nghị định 72 ra đời thay thế, quy định thời gian hoạt động theo giấy phép thành lập của văn phòng đại diện là 05 năm, sau đó thương nhân nước ngoài phải tiến hành gia hạn. Quy định

này tiếp tục được kế thừa thực hiện tại Nghị định 07. Sau khi quy định về vấn đề thời hạn này có hiệu lực thi hành, các cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra đồng loạt các văn phòng đại diện thì phát hiện ra rất nhiều văn phòng đại diện đã mất tích, không hoạt động tại địa điểm đã đăng ký trong giấy phép thành lập và cũng không biết các văn phòng đó đã chuyển đi đâu.

Bổ sung quy định về thời hạn hoạt động của văn phòng đại diện đã khắc phục được tình trạng trên và giúp công tác quản lý của các cơ quan có thẩm quyền được hiệu quả hơn. Từ đó góp phần bảo vệ được các doanh nghiệp nước ta khỏi việc bị lừa đảo khi một số văn phòng đại diện không còn đủ điều kiện hoạt động nhưng vẫn tồn tại và thậm chí còn ký kết hợp đồng với thương nhân trong nước. *Hay lừa đảo cả cơ quan nhà nước Việt Nam, điển hình như vụ việc mua bán điện tử điện kế xuất xứ Trung Quốc, dân nhân Singapore của văn phòng đại diện Công ty Linkton với Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh trong khi Công ty mẹ ở Singapore đã hết hạn hoạt động tại Giấy đăng ký kinh doanh [30].*

2.2.6. Vấn đề vi phạm pháp luật về thuế của văn phòng đại diện

Thuế là khoản thu bắt buộc mang tính cưỡng chế bằng sức mạnh nhà nước mà các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ nộp vào ngân sách nhà nước khi có đủ những điều kiện nhất định. Mặc dù là nguồn thu chính cho ngân sách nhà nước nhưng vì thuế không mang tính đối giá và hoàn trả trực tiếp cho người nộp thuế, nên dù là khoản thu mang tính bắt buộc cũng có rất ít người tự nguyện từ bỏ quyền lợi của mình để nộp thuế. Các văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài cũng không là ngoại lệ, việc các Văn phòng trốn tránh nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân đã tồn tại từ rất lâu. Mặc dù các cơ quan nhà nước ra sức kiểm tra gắt gao việc tuân thủ nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân của văn phòng đại diện nhưng chuyện trốn thuế ở các văn phòng đại diện vẫn diễn ra khá phổ biến. *Chỉ qua kiểm tra quyết toán thuế tại 109*

văn phòng đại diện, Sở Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh (cơ quan được Cục Thuế uỷ nhiệm thu thuế thu nhập cá nhân của các văn phòng đại diện) đã truy thu được 7,6 tỉ đồng. Và cũng qua quyết toán thuế mới phát hiện có tới 600 chuyên gia từ các nước phát triển, có mức sống rất cao lại chịu đến Việt Nam làm việc và kê khai trên sổ sách mức lương từ 500 đô la Mỹ/tháng trở xuống [36].

Thậm chí việc các văn phòng đại diện tìm mọi cách để trốn thuế đã tiếp diễn rất phổ biến trong nhiều năm liền và gây tác động xấu cho nền kinh tế nước ta. Trong 08 tháng đầu năm 2005, “*cơ quan thuế đã kiểm tra các văn phòng đại diện và truy thu thuế Thu nhập cá nhân 7,1 tỉ đồng, gần bằng số thuế truy thu của cả năm 2004 là 7,6 tỉ đồng*”[24]. Tăng cường kiểm tra các văn phòng đại diện, Sở Công thương đã phát hiện nhiều văn phòng trốn thuế và truy thu được về cho Ngân sách nhà nước một khoản thu đáng kể. Kể đến trong năm 2006, một vụ việc điển hình về trốn thuế có quy mô lớn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kanaan Sài Gòn (100% vốn Hàn Quốc), chuyên gia công các mặt hàng túi xách, lều vải... cho các thương hiệu nổi tiếng như The North Face, Nike, Ems, Easpak, Jansport, Merrell, Columbia... đã thực hiện buôn lậu và trốn thuế. “*Hơn 10 người nước ngoài làm việc cho văn phòng đại diện của Kanaan ở quận 5, thành phố Hồ Chí Minh cũng chưa khai báo thuế thu nhập (ước tính hơn 1 tỉ đồng). Trước khi cơ quan chức năng vào cuộc, kế toán trưởng (người Việt) tại công ty này đã xin thôi việc*”[37].

Cùng với rất nhiều hành vi, thủ đoạn khác nhau, các văn phòng đại diện vẫn ra sức trốn thuế bằng mọi cách thức. Điển hình và phổ biến nhất là xu hướng khai mức lương của nhân viên nước ngoài làm việc tại Văn phòng, đặc biệt là Trưởng văn phòng đại diện là người nước ngoài thấp hơn rất nhiều, thậm chí là thấp đến vô lý so với mức lương thực trả nhằm trốn thuế thu nhập cá nhân.

Không dừng lại ở đó, theo báo cáo của Bộ Công thương, trong năm 2011 qua công tác kiểm tra của cơ quan chức năng, một số văn phòng đại diện vẫn còn có các vi phạm như: *“một số văn phòng đại diện còn không đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế cho người lao động mà chỉ trả lương thuần túy, không nộp thuế Thu nhập cá nhân hoặc khai gian thuế Thu nhập cá nhân”* [21]. Gần đây, Công ty Petrosin (Singapore) là công ty chuyên về tư vấn, thiết kế và thực hiện các dịch vụ về dầu khí, có văn phòng đại diện được cấp phép thành lập năm 1999. Trong 3 tháng đầu năm 2012, *“30 nhân viên làm việc tại đây vẫn chưa được nhận lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế Thu nhập cá nhân... Tổng số tiền văn phòng này còn nợ nhân viên là hơn 04 tỉ đồng”*[28].

Như vậy với tình trạng văn phòng đại diện kê khai khai mức lương của Trưởng văn phòng đại diện là người nước ngoài thấp hơn so với mức lương thực trả nhằm trốn thuế thu nhập cá nhân sẽ gây thiệt hại rất lớn tới nguồn thu cho ngân sách nhà nước và công tác quản lý của cơ quan chức năng, do đó yêu cầu cấp thiết là tìm ra quy định pháp luật để hạn chế tình trạng này.

2.2.7. Xử lý vi phạm về quyền, nghĩa vụ của văn phòng đại diện và người đứng đầu văn phòng đại diện

Qua phân tích thực trạng hoạt động của văn phòng đại diện mà tác giả trình bày ở mục trước, một số những nghĩa vụ mà văn phòng đại diện vi phạm phổ biến là không báo cáo hoạt động định kỳ hàng năm hoặc báo cáo không trung thực với cơ quan có thẩm quyền; không có địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện; không làm thủ tục sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện theo quy định. Tuy nhiên, chế tài đặt ra cho các vi phạm này chỉ ở mức *phạt tiền từ 10.000.000 (mười triệu đồng) đến 20.000.000 (hai mươi triệu đồng)*[6], không mang tính răn đe mạnh để tác động đến sự tuân thủ nghĩa vụ và văn phòng đại diện vẫn tiếp tục vi phạm

trên thực tế. Một trong những vi phạm khác nghiêm trọng hơn như *hoạt động không đúng nội dung ghi trong giấy phép của văn phòng đại diện* chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính ở mức 20.000.000 (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 (ba mươi triệu đồng). Thậm chí hành vi cố tình coi thường phát luật như *tiếp tục hoạt động sau khi thương nhân nước ngoài đã chấm dứt hoạt động hay sau khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy phép thành lập văn phòng đại diện hoặc giấy phép hết hạn, không được gia hạn* cũng chỉ xử phạt ở mức *phạt tiền từ 30.000.000 (ba mươi triệu đồng) đến 50.000.000 (năm mươi triệu đồng)*[6]. Đây là những mức xử phạt không quá nặng, không tương xứng với tính chất vi phạm của văn phòng đại diện, dẫn đến tình trạng thương nhân nước ngoài không chấp hành xảy ra phổ biến, thậm chí họ ngoan cố vi phạm bất chấp xử phạt. Vì mức xử lý phạt tiền như vậy thực chất không đáng kể, nói cách khác là nhỏ hơn rất nhiều so với lợi nhuận họ có thể thu về khi thực hiện kinh doanh trái pháp luật với danh nghĩa văn phòng đại diện tại Việt Nam.

2.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

2.3.1. Xuất phát từ nhu cầu quản lý nhà nước

Pháp luật là công cụ quản lý nhà nước hiệu quả nhất để duy trì một xã hội lành mạnh. Cùng với sự thay đổi của xã hội và nền kinh tế nước ta theo thời gian, pháp luật bắt buộc phải thay đổi cho phù hợp để điều chỉnh những mối quan hệ phát sinh. Trong đó có việc phải hoàn thiện các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động của văn phòng đại diện là nhu cầu tất yếu góp phần duy trì sự tồn tại và phát triển lành mạnh nền kinh tế của đất nước. Thực trạng “loạn văn phòng đại diện”, “mất quản lý”, văn phòng đại diện hoạt động kinh doanh trái phép, trốn thuế kéo theo những tác động xấu đến nước ta đã diễn ra tràn lan trong nhiều năm qua. Đó chính là lý do nhà nước cần cấp bách thắt chặt quản lý hơn nữa đối với loại chủ thể này.

Thêm vào đó, các quy định của nhiều quốc gia đang dần dần tiến gần đến hòa hợp hóa pháp luật, Việt Nam đang trong từng bước hoàn thiện pháp luật cho phù hợp với quá trình hội nhập WTO. Do vậy, việc quy định lại các văn bản điều chỉnh hoạt động của văn phòng đại diện cho phù hợp với quy luật phát triển chung của thế giới hiện nay là cần thiết. Văn phòng đại diện có tác động không nhỏ tới nền kinh tế và hoạt động hội nhập kinh tế của Việt Nam, cho nên rà soát và hoàn thiện pháp luật điều chỉnh văn phòng đại diện nhằm kiểm soát chặt chẽ hoạt động của chúng sẽ hỗ trợ Nhà nước trong việc điều tiết sự tăng trưởng ổn định của kinh tế và mở rộng quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các nước bạn trong khu vực và trên toàn thế giới.

2.3.2. Xuất phát từ nhu cầu thu hút đầu tư nước ngoài

Hiện nay, Việt Nam là một trong những nước đang phát triển có tiềm năng thu hút nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài rất lớn, nhưng chủ yếu chỉ là điểm đến của một số các nhà đầu tư từ thị trường Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc ... Một khi nguồn vốn đầu tư đổ vào càng nhiều thì nền kinh tế càng có thêm lực bẫy để tăng trưởng, chính vì vậy Việt Nam phải tận dụng lợi thế này mà phương thức để thu hút đầu tư nước ngoài hiệu quả là cải thiện hệ thống pháp luật thông thoáng. Hoạt động của văn phòng đại diện chủ yếu là quảng bá thương hiệu, tìm hiểu thị trường và tìm kiếm đối tác cho thương nhân nước ngoài, tuy không trực tiếp làm tăng vốn đầu tư nhưng sẽ là kênh thông tin cung cấp những đánh giá về thị trường Việt Nam cho công ty mẹ. Vì vậy một khi phản hồi của văn phòng đại diện về thị trường nước ta là điểm đến đầu tư nhiều cơ hội tìm kiếm lợi nhuận cùng với hành lang pháp lý thông thoáng, minh bạch, nhiều ưu đãi và đảm bảo quyền lợi chính đáng của nhà đầu tư trong khuôn khổ pháp luật thì thương nhân nước ngoài sẽ không ngần ngại rót vốn đầu tư vào nước ta, kéo theo đó là một nền kinh tế Việt Nam được thúc đẩy tăng trưởng. Vì vậy, chính việc

hoàn thiện pháp luật điều chỉnh văn phòng đại diện để tạo được môi trường đầu tư tốt sẽ gián tiếp đáp ứng được mục tiêu thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

2.3.3. Định hướng hoàn thiện và các kiến nghị cụ thể

2.3.3.1. Định hướng hoàn thiện

Định hướng hoàn thiện quy định điều chỉnh hoạt động của văn phòng đại diện trước hết phải đảm bảo phù hợp với đường lối của Đảng và nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tiếp theo, phải tương đồng với nền kinh tế - xã hội của đất nước và có sự thống nhất trong các văn bản pháp luật quốc gia để tránh chồng chéo, mâu thuẫn về mặt nội dung trong các văn bản giữa cơ quan cấp trên và cấp dưới, giữa các ngành luật khác nhau cùng ban hành để điều chỉnh một hành vi. Cụ thể là, phải thống nhất giữa Luật Thương mại 2005, các Nghị định, Thông tư điều chỉnh hoạt động của văn phòng đại diện trong các lĩnh vực thương mại và thương mại đặc thù khác, cùng những hướng dẫn cụ thể của Bộ, Sở Công thương.

Đồng thời, *“các quốc gia cũng buộc phải thông qua những chính sách và luật pháp (nhằm chuyển hóa luật pháp quốc tế vào hệ thống pháp luật quốc gia) phù hợp với những quy định của luật pháp quốc tế”*[10]. Theo đó, việc hoàn thiện thể chế pháp lý điều chỉnh hoạt động của văn phòng đại diện phải thực hiện theo đúng cam kết và phù hợp với các Hiệp định thương mại tự do khu vực cùng các Thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam đã hoặc sẽ ký kết, gia nhập.

Mặt khác, việc sửa đổi, bổ sung các quy định phải đảm bảo kiểm soát và xử lý nghiêm minh vi phạm hoạt động của văn phòng đại diện mà trách nhiệm hàng đầu đó thuộc về Nhà nước. Trong bối cảnh các cơ quan chức năng trước nay thường chú trọng vào khâu cấp phép còn công tác “hậu kiểm” lại bị bỏ ngỏ, vấn đề tiên quyết là thiết lập khuôn khổ pháp luật đầy đủ để điều chỉnh và kiểm soát mọi mặt hoạt động của văn phòng đại diện. Không chỉ chặt chẽ

trong khâu cấp phép hoạt động mà quan trọng hơn là tăng cường, nâng cao tần suất kiểm tra sau khi văn phòng đại diện được thành lập để phát hiện và xử lý triệt để các vi phạm.

Cuối cùng, định hướng hoàn thiện các quy định bất cập hiện nay, chủ yếu tập trung đề xuất sửa đổi Nghị định 07 vẫn phải tạo được môi trường thu hút đầu tư để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế – xã hội nước nhà ổn định, bền vững. Thất chặt công tác quản lý không có nghĩa là tạo ra một hành lang pháp lý rườm rà với những thủ tục hành chính phức tạp gây cản trở cho thương nhân nước ngoài, tạo tâm lý e ngại cho họ. Mà hoàn thiện các quy định điều chỉnh hoạt động của văn phòng đại diện phải đáp ứng được những điều kiện ưu đãi, thuận lợi nhất có thể cho các nhà đầu tư nước ngoài trong khuôn khổ pháp luật cho phép, tạo tâm lý tin tưởng để họ mạnh dạn đưa nguồn vốn vào thị trường Việt Nam. Biết cách tận dụng triệt để lợi thế đó, nước ta sẽ phát triển một cách nhanh chóng, ổn định.

Tóm lại, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cần đáp ứng các yếu tố: tạo hành lang pháp lý thống nhất, hợp lý, khả thi, minh bạch; phù hợp với cam kết quốc tế; phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế Việt Nam, như vậy sẽ tạo được môi trường kinh doanh bình đẳng, ổn định [18]. Dựa trên những định hướng xây dựng pháp luật này kết hợp với phân tích về thực trạng và bất cập ở Chương 2, tác giả sẽ đưa ra một số kiến nghị cụ thể để hoàn thiện pháp luật điều chỉnh hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam được trình bày tiếp sau đây.

2.3.3.2. Kiến nghị cụ thể

** Bổ sung quy định khuyến khích thành lập văn phòng đại diện*

Thương nhân nước ngoài đặt hiện diện tại Việt Nam với hình thức văn phòng đại diện thường chỉ trong thời gian đầu tìm hiểu, khảo sát thị trường. Sau đó, đa số sẽ tiến hành đặt Chi nhánh hoặc thiết lập Công ty để thực hiện

hoạt động thương mại. Nhưng vì nhận được nhiều ưu đãi dưới hình thức văn phòng đại diện nên nhiều thương nhân vẫn lợi dụng lén lút hoạt động kinh doanh dưới hình thức này. Đây là hiện trạng gây nhức nhối cho cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam lâu nay và vẫn chưa được giải quyết triệt để. Trong khi đó, để đồng thời khuyến khích thương nhân nước ngoài đầu tư vào thị trường nội địa, và ngăn chặn tình trạng văn phòng đại diện hoạt động thương mại trái phép, pháp luật của Pháp đặt ra quy định *nếu ngay từ đầu Công ty đã có ý định chuyển đổi văn phòng đại diện thành Chi nhánh thì họ được thực hiện đăng ký ngay từ khi thành lập [14]*. Việt Nam cũng nên học tập quy định này, để tạo điều kiện thuận lợi cho những thương nhân muốn thực hiện đầu tư kinh doanh lâu dài với nước ta. Chính phủ nên đưa ra ưu đãi nếu họ đăng ký chuyển đổi thành Chi nhánh hoặc Công ty sau một khoảng thời gian nhất định hoạt động dưới hình thức văn phòng đại diện ngay từ khi thành lập như giảm lệ phí thành lập Chi nhánh, đơn giản hóa thủ tục chuyển đổi về mặt giấy tờ, hồ sơ hay ưu đãi về thời hạn giải quyết chuyển đổi nhanh chóng hơn... Việc tăng thêm các chính sách ưu đãi cho thương nhân nước ngoài sẽ tác động đến các hoạt động của văn phòng đại diện, phần nào giảm thiểu vi phạm và tăng tính tự giác chấp hành pháp luật.

** Kiến nghị về hồ sơ, thủ tục và phí thành lập văn phòng đại diện*

Quy định về hồ sơ và thủ tục trước khi cấp phép thành lập văn phòng đại diện còn khá nhiều bất cập. Trên cơ sở nghiên cứu pháp luật một số quốc gia khác kết hợp đánh giá tình hình trong nước, tác giả đưa ra kiến nghị như sau:

Thứ nhất, để đảm bảo sự minh bạch của pháp luật và thắt chặt quản lý đối với văn phòng đại diện, cách mà các nước trong khu vực và trên thế giới vẫn áp dụng để quản lý hoạt động của văn phòng đại diện tại nước mình là quy định hồ sơ cấp phép chặt chẽ. Việt Nam cũng nên học tập kinh nghiệm này bằng cách quy định *bổ sung vào thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập*

văn phòng đại diện những giấy tờ như: (1) Giấy xác nhận căn cứ thành lập văn phòng đại diện, (2) Sơ yếu lý lịch của Trưởng văn phòng đại diện.

Ngoài ra, trong trường hợp phải điều chỉnh giấy phép thành lập văn phòng đại diện, pháp luật hiện hành quy định thời hạn thực hiện thủ tục này là trong vòng 60 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi. Thời hạn này là quá dài so với một thủ tục liên quan đến việc điều chỉnh giấy phép do có sự thay đổi theo quy định, do vậy *thời hạn điều chỉnh giấy phép thành lập văn phòng đại diện nên được quy định cụ thể đối với từng trường hợp thay đổi* sẽ hợp lý hơn cho việc quản lý của cơ quan nhà nước.

Thứ hai, phí thành lập văn phòng đại diện rõ ràng đã không còn phù hợp và phản ánh đúng giá trị kinh tế hiện nay nên tiếp tục cần phải có sự điều chỉnh. Việt Nam đang là một thị trường đầu tư hấp dẫn cho các nhà đầu tư nước ngoài, câu hỏi đặt ra là quy định về phí đăng ký hiện tại chỉ có ba triệu đồng, liệu có là quá thấp, có thực sự đạt mục đích khuyến khích đầu tư cho các thương nhân nước ngoài không, hay là điều kiện để họ lợi dụng kiếm lời. Cá nhân tác giả cho rằng, nên *quy định tăng mức phí thành lập văn phòng đại diện lên 10.000.000 (mười triệu) đồng/giấy phép. Phí cấp lại, gia hạn giấy phép là 5.000.000 (năm triệu) đồng/lần. Và phí sửa đổi, bổ sung giấy phép là 1.000.000 (một triệu) đồng/lần.* Quy định như vậy sẽ tương xứng với lợi ích mà thương nhân nước ngoài đạt được khi mở văn phòng đại diện tại nước ta, thêm vào đó cơ quan chức năng cũng có nguồn kinh phí phục vụ cho công tác quản lý, kiểm tra hoạt động của văn phòng đại diện, hạn chế được tình trạng đăng ký thành lập tràn lan mà không hoạt động.

Cuối cùng, thời hạn hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam hiện nay được quy định tối đa là 05 năm và khi hết hạn thương nhân nước ngoài phải tiến hành thủ tục gia hạn giấy phép thành lập. Nhưng theo quan điểm của cá nhân tác giả sau khi nghiên cứu một số quốc gia đã trình bày ở

mục 1.2.1.1 (gồm Trung Quốc, Liên bang Nga và Singapore), để đảm bảo mục đích quản lý nhà nước chặt chẽ hơn nữa nên *quy định thời hạn hoạt động của văn phòng đại diện ngắn hơn, tối đa là ba năm kể từ khi được cấp phép*. Quy định rút ngắn thời hạn giấy phép như trên có thể giúp cho kiểm soát hoạt động của văn phòng đại diện được chặt chẽ và thường xuyên hơn.

** Về thành lập bộ máy quản lý văn phòng đại diện và đội ngũ nhân viên*

Thực trạng đã cho thấy không quy định giới hạn quy mô hoạt động của văn phòng đại diện là một kẽ hở của pháp luật cho thương nhân nước ngoài lợi dụng. Số lượng nhân viên đông và được tổ chức quy mô lớn, chuyên nghiệp chính là cơ sở cho văn phòng đại diện thực hiện kinh doanh. Mà khung pháp lý lỏng lẻo là lý do lớn nhất tạo điều kiện cho các văn phòng đại diện đem về lợi nhuận lớn cho thương nhân nước ngoài, gây tác động xấu cho nền kinh tế nước ta. Để chấm dứt tình trạng này, cá nhân tác giả cho rằng Bộ Công thương cần *quy định cụ thể về số người làm việc tối đa trong văn phòng đại diện căn cứ vào quy mô, lĩnh vực hoạt động của thương nhân; và nên giới hạn tổng số lao động nước ngoài phải phù hợp với pháp luật về lao động, cam kết quốc tế của Việt Nam và không quá 10 người*. Như vậy là đủ nhân lực cho hoạt động và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ mà văn phòng đại diện được phép thực hiện tại Việt Nam. Mặt khác, Việt Nam cũng nên học tập một số quốc gia để cân nhắc bổ sung thêm quy định *phải có một số lượng bắt buộc nhân viên bản xứ (có thể là 02 người) làm việc trong văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài*, sẽ phần nào khắc phục được vấn đề thương nhân đưa nhiều lao động nước ngoài vào Việt Nam làm việc trong khi lao động nước ta cũng có thể thay thế và bảo vệ được lao động trong nước.

Hơn nữa, *nên quy định mức lương tối thiểu cho Trưởng văn phòng đại diện và nhân viên nước ngoài làm việc tại văn phòng đại diện*. Quy định này có thể góp phần hạn chế phần nào tình trạng văn phòng đại diện trốn thuế

bằng cách khai giảm thuế thu nhập cá nhân của nhân viên đang phổ biến hiện nay, cũng là giúp giảm bớt thiệt hại cho ngân sách nhà nước. Ngoài ra cần tăng cường công tác kiểm tra của cơ quan thuế đối với việc kê khai thuế thu nhập cá nhân của văn phòng đại diện vì việc trốn thuế đang là thực trạng nhức nhối với hàng trăm phương thức nhằm trốn tránh nghĩa vụ này.

** Kiến nghị quy định về chức năng của văn phòng đại diện*

Văn phòng đại diện có chức năng chính là xúc tiến thương mại cho thương nhân nước ngoài theo quy định Luật Thương mại 2005 cho phép [14]. Tuy nhiên các hoạt động xúc tiến thương mại như thực hiện khuyến mại, quảng cáo, trưng bày sản phẩm, tổ chức triển lãm thì văn phòng đại diện lại không được phép trực tiếp thực hiện. Nghị định 07 chỉ cho phép văn phòng đại diện thực hiện chức năng văn phòng liên lạc, tìm hiểu thị trường, xúc tiến thúc đẩy cơ hội đầu tư kinh doanh của thương nhân mà mình đại diện, như vậy đã bó hẹp phạm vi hoạt động của văn phòng đại diện, ảnh hưởng đến quyền lợi của họ. Do vậy, theo tác giả nên cho phép văn phòng đại diện được quyền thực hiện một số hoạt động khuyến mại, quảng cáo, trưng bày và giới thiệu sản phẩm, mở hội chợ, triển lãm thương mại vì bản thân các hoạt động này không mang tính chất kinh doanh sinh lợi trực tiếp, phù hợp với bản chất của văn phòng đại diện. Cụ thể là bổ sung cho văn phòng đại diện quyền thực hiện hoạt động khuyến mại dưới hình thức đưa hàng hoá mẫu, cung ứng dịch vụ mẫu để khách hàng dùng thử không phải trả tiền, hay tặng hàng hoá cho khách hàng, cung ứng dịch vụ không thu tiền.

Ngoài ra, theo một số chuyên gia pháp lý cho rằng, Chính phủ nên tạo điều kiện thuận lợi cho các nhu cầu thực tế cần thiết của văn phòng đại diện như *quyền nhập khẩu trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của chính Văn phòng hoặc nhập khẩu hàng hóa để phục vụ cho việc nghiên cứu thị trường, liên lạc giới thiệu sản phẩm*. Những quy định mở này sẽ tạo khung pháp lý

thông thoáng hơn, tạo điều kiện cho thương nhân nước ngoài hoạt động tại Việt Nam hơn.

** Siết chặt cơ chế kiểm soát hoạt động của văn phòng đại diện*

Nghị định 07 hiện nay chưa quy định thực sự rõ ràng và thể hiện toàn diện trách nhiệm của Bộ Công thương trong việc kiểm soát hoạt động của văn phòng đại diện. Cần thiết khi cơ quan chức năng sửa đổi hoặc thay thế Nghị định 07 nên bổ sung thêm một số quy định thuộc chức năng và thẩm quyền của Bộ Công thương. Chi tiết hơn, là bổ sung quy định *Bộ Công thương là cơ quan chịu trách nhiệm chính về việc bảo đảm tuân thủ quy định của Nghị định quản lý hoạt động của văn phòng đại diện và các quy định khác liên quan của pháp luật Việt Nam* sẽ thể hiện một cách rõ ràng, toàn diện chức năng, thẩm quyền của Bộ Công thương. Đồng thời cũng vì mục đích nêu trên, nên xem xét bổ sung quy định mở rộng cho *Bộ Công thương có thẩm quyền xử lý khiếu nại và quyết định kháng cáo theo quy định*. Như vậy, trách nhiệm của Bộ Công thương sẽ được tăng cao, hơn nữa quy định này cũng ràng buộc các cơ quan nhà nước phải thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ được giao, nếu không sẽ căn cứ vào các điều khoản này mà truy cứu trách nhiệm. Công tác quản lý hoạt động của văn phòng đại diện của cơ quan chức năng từ đó cũng hiệu quả và nghiêm túc hơn. Thêm vào đó, các cơ quan thanh tra, giám sát phải tăng cường hoạt động kiểm tra định kỳ đối với văn phòng đại diện, có thể đặt ra quy định *Sở Công thương phải tiến hành kiểm tra hoạt động của văn phòng đại diện mỗi 06 tháng hàng năm để giảm thiểu tối đa các vi phạm và phát hiện xử lý kịp thời*. Cơ chế kiểm soát hoạt động của văn phòng đại diện cần hợp lý, thông thoáng nhưng phải siết sao, minh bạch hơn.

Mặt khác, để thuận tiện cho công tác kiểm tra của cơ quan nhà nước, việc thiết lập một điều khoản bắt buộc về địa điểm hoạt động cụ thể của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài là cần thiết. Chính vì vậy, cần bổ

sung quy định văn phòng đại diện phải được đặt tại các địa điểm cụ thể và có thông tin liên lạc chi tiết (như điện thoại, số fax, email, website...).

Tiếp theo, cần bổ sung một số quy định chặt chẽ hơn về chế độ báo cáo định kỳ của văn phòng đại diện. Chính phủ nên xem xét, học tập kinh nghiệm của pháp luật Trung Quốc và Liên bang Nga quy định rất chặt chẽ về nội dung của báo cáo, thời hạn báo cáo định kỳ cũng rút ngắn hơn (ở Nga văn phòng đại diện báo cáo định kỳ hàng quý). Theo tác giả, nên quy định *văn phòng đại diện phải báo cáo hoạt động định kỳ mỗi 06 tháng, nội dung của báo cáo phải được quy định cụ thể trong phần Phụ lục của văn bản pháp luật điều chỉnh và tăng biện pháp xử phạt đối với hành vi không chấp hành nghĩa vụ này nếu văn phòng đại diện vi phạm nhiều lần*. Siết chặt quản lý bằng cách rút ngắn thời hạn thực hiện nghĩa vụ báo cáo định kỳ xuống nửa năm và tăng biện pháp xử phạt sẽ phần nào tác động đến sự tôn trọng chấp hành pháp luật của các văn phòng đại diện và giúp cơ quan quản lý nhà nước nâng cao hoạt động kiểm soát. Đồng thời Cơ quan cấp giấy phép ở từng địa phương phải tăng cường kiểm tra thường xuyên hoạt động của các văn phòng đại diện để phát hiện kịp thời các vi phạm, xóa bỏ tình trạng báo cáo lấy lệ hiện nay.

** Tăng cường các biện pháp xử lý vi phạm*

Đối với các văn phòng đại diện vi phạm như hoạt động ảo, thực hiện hoạt động kinh doanh sinh lợi, không thực hiện nghĩa vụ báo cáo định kỳ... Nhà nước cần tăng cường răn đe và xử lý bằng cách quy định các chế tài nặng hơn là một biện pháp không thể thiếu. Tuy nhiên, theo quy định hiện hành, mức xử phạt vi phạm tối đa chỉ 50.000.000 triệu đồng. Đây là quy định không tương xứng với tính chất vi phạm của văn phòng đại diện, lợi nhuận họ có thể thu về khi thực hiện kinh doanh trái pháp luật với danh nghĩa văn phòng đại diện tại nước ta là con số lớn hơn rất nhiều. Cộng với công tác thanh tra, kiểm soát chưa gắt gao, triệt để do đó thương nhân nước ngoài vẫn không chấp

hành và chủ trương vi phạm bất chấp xử phạt. Để khắc phục tình trạng này, Nhà nước cần tăng cường hơn nữa biện pháp chế tài, như nâng mức tiền phạt lên tương xứng với các hành vi vi phạm để tăng tính răn đe đối với văn phòng đại diện. Nhưng mức xử phạt vẫn phải hợp lý, không quá cao để tạo hành lang pháp lý thông thoáng mà chặt chẽ cho các thương nhân muốn hoạt động đầu tư tại Việt Nam. Vì mục đích của xử phạt vi phạm là để ngăn chặn hành vi vi phạm chứ không phải để triệt tiêu, xóa bỏ các văn phòng đại diện.

** Một số kiến nghị khác*

(i) *Về điều khoản giải thích từ ngữ:* Nghị định 07 hiện hành là văn bản quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, do vậy cần bổ sung thêm điều khoản giải thích từ ngữ để làm rõ chính xác các chủ thể được điều chỉnh bởi Nghị định này, cụ thể là chưa có khái niệm về người đứng đầu văn phòng đại diện. Do đó, nên đưa ra định nghĩa “*Trưởng văn phòng đại diện*” là người được thương nhân nước ngoài chỉ định bằng thư bổ nhiệm hoặc thư ủy quyền để thực hiện nhiệm vụ cho thương nhân nước ngoài trong phạm vi và thời hạn của các điều khoản bổ nhiệm hoặc ủy quyền đó.

(ii) *Quy định về tư cách pháp lý của văn phòng đại diện:* Theo những phân tích của tác giả đã trình bày về đặc trưng của văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc do thương nhân nước ngoài thành lập, hoạt động theo ủy quyền và không có tính độc lập về tài chính, đã chứng minh được văn phòng đại diện không có tư cách pháp nhân. Tuy nhiên, tính chất quan trọng này của văn phòng đại diện chưa được luật hóa vào quy định điều chỉnh hiện hành. Do vậy, theo ý kiến của tác giả, cần bổ sung một điều khoản xác nhận tư cách pháp lý của văn phòng đại diện như sau: “*văn phòng đại diện không phải là pháp nhân mà là đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam*”. Quy định này vừa thể hiện minh bạch tư cách pháp lý của văn phòng đại diện cũng

vừa phù hợp với quy định tại Điều 84 Bộ luật Dân sự 2015 và Luật Thương mại 2005.

(iii) *Trường hợp cấm thành lập văn phòng đại diện*: Nghị định 07 quy định về các trường hợp không được cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện hiện nay vẫn còn thiếu sót. Đối với trường hợp *thương nhân Việt Nam đăng ký thành lập Công ty ở nước ngoài, sau đó lại quay về mở văn phòng đại diện tại Việt Nam, có văn phòng giao dịch, Ban Giám đốc và toàn bộ hoạt động đặt tại Việt Nam* nhằm hưởng các ưu đãi đặc biệt chỉ dành cho thương nhân nước ngoài, là một chiêu thức “lách luật” cần thiết phải ngăn chặn. Theo tác giả, nên bổ sung hành vi này vào các trường hợp không được cấp phép thành lập bằng hình thức văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài. Hoặc bổ sung quy định *các doanh nghiệp nước ngoài có trụ sở chính ở Việt Nam hoặc các doanh nghiệp có mục tiêu chính là hoạt động kinh doanh tại Việt Nam sẽ không được coi là thương nhân nước ngoài để đặt văn phòng đại diện và hưởng các đặc quyền dành cho hình thức hiện diện thương mại này*.

(iv) Đối với người đứng đầu văn phòng đại diện, cần xem xét bổ sung quy định hạn chế quyền kiêm nhiệm các chức vụ như Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoạt động trong cùng ngành nghề hoặc Giám đốc đấu thầu cho các dự án xây dựng. Như vậy sẽ tránh được việc Trưởng văn phòng đại diện để thành lập một Công ty trong nước thực hiện ký kết hợp đồng, đấu thầu dự án và văn phòng đại diện sẽ là người đứng đằng sau thực hiện các dự án, hợp đồng đó tại Việt Nam.

Kết luận Chương 2

Tóm lại, trong Chương 2 tác giả đã phân tích vai trò của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài đối với sự phát triển nền kinh tế, sau đó chú trọng đi sâu, tìm hiểu thực trạng hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam trong những năm gần đây. Từ thực trạng này, có thể kết luận rằng bên cạnh những mặt tích cực, tình hình hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam hiện nay còn tồn tại rất nhiều vi phạm với chiều hướng gia tăng bằng những thủ đoạn ngày càng tinh vi hơn. Điều đó chứng tỏ rằng hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động của các văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài còn nhiều bất cập và thiếu sót. Cho nên, song song với việc tìm hiểu tình hình hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam hiện nay, tác giả còn làm rõ các những bất cập tồn tại trong việc thực thi pháp luật từ những kẽ hở, thiếu sót của quy định điều chỉnh hoạt động của loại hình này. Thực trạng mà tác giả đã phân tích trong chương 2 chính là xâu chuỗi liên tiếp kết quả của những bất cập trong pháp luật còn tồn đọng kết hợp với ý thức tuân thủ pháp luật chưa cao của các thương nhân nước ngoài. Tình hình cụ thể hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài qua việc phân tích các vi phạm và những bất cập của pháp luật hiện hữu đó, sẽ đóng vai trò quyết định và là căn cứ quan trọng để tác giả nghiên cứu và đưa ra những đề xuất nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật hiện hành trong việc quản lý hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Từ đó, tác giả có thể đưa ra những giải pháp khắc phục hiệu quả.

Trên đây là những kiến nghị của tác giả nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về hoạt động và quản lý văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Để đạt được mục đích to lớn này cần kết hợp cụ thể hóa các quy định vào văn bản pháp luật, tinh thần nghiêm túc thực thi pháp

luật của văn phòng đại diện và hệ thống cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực này. Đặc biệt quan trọng là phải đề cao vai trò kiểm soát của các cơ quan có thẩm quyền (cụ thể là Sở Công thương) tại từng địa phương. Những kiến nghị và đề xuất của tác giả đều mang tính thực tiễn cao được đúc kết từ quá trình nghiên cứu kết hợp tìm hiểu trên thực tế. Do đó, việc tiếp tục điều chỉnh các quy định của pháp luật, cụ thể tại Nghị định, Thông tư hướng dẫn theo hướng tác giả đề xuất là cần thiết trong bối cảnh tình hình kinh tế Việt Nam hiện nay. Thêm nữa, Luật Thương mại 2005 đã tồn tại qua 12 năm, vẫn còn nhiều quy định chưa được hướng dẫn thực hiện nên vẫn chưa được áp dụng triệt để trong thực tế. Điều này cũng dẫn đến tình trạng Luật và các văn bản hướng dẫn không có sự tương đồng gây khó khăn cho các đơn vị quản lý, áp dụng pháp luật. Thay đổi, điều chỉnh Luật và các văn bản dưới luật là điều cần thiết để có được một hành lang pháp lý an toàn, chặt chẽ, minh bạch cho các hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

KẾT LUẬN

Luận văn này cung cấp cho người đọc những kiến thức cơ bản liên quan đến hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và đưa ra sự nghiên cứu có so sánh với pháp luật một số quốc gia trên thế giới nhằm tìm ra những quy định hữu ích có thể áp dụng được đối với nước ta. Ngoài ra, Luận văn là một bức tranh toàn cảnh về hệ thống pháp lý điều chỉnh hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, đưa ra đánh giá những thành tựu và bất cập còn tồn tại, và đề xuất các giải pháp cụ thể để nâng cao hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài.

Mục đích quan trọng nhất của Luận văn là tìm ra những giải pháp thích hợp để hoàn thiện hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài hiện nay. Để làm được điều này, tác giả ngoài các khai thác và nghiên cứu lý thuyết chung đối với khuôn khổ pháp lý điều chỉnh văn phòng đại diện, còn đưa ra đánh giá đầy đủ về tình hình thực thi pháp luật của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Sự đánh giá này giúp hiểu sâu hơn về những quy định phải được tiếp tục tăng cường thực hiện và những điểm yếu cần được giải quyết.

Dựa trên các kết quả nghiên cứu thực tiễn, tác giả đã đưa ra những đề xuất nhằm nâng cao hệ thống pháp luật Việt Nam về điều chỉnh hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Chương 2. Những giải pháp này tập trung vào giải quyết những vấn đề đã được đề cập gồm thực trạng vi phạm trong hoạt động của văn phòng đại diện và các bất cập còn tồn tại của pháp luật. Trong số những kiến nghị tác giả đưa ra, giải pháp chiến lược quan trọng nhất vào lúc này là sửa đổi các quy định của pháp luật hiện hành về thủ tục và phí thành lập, bổ sung quy định về bộ máy hoạt động và

tăng cường cơ chế kiểm soát văn phòng đại diện. Một điểm mấu chốt khác là cần tăng cường, nâng cao tần suất kiểm tra của cơ quan chức năng sau khi văn phòng đại diện được thành lập để phát hiện và xử lý triệt để các vi phạm. Ngoài ra, các giải pháp được đề xuất còn lại cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường hiệu quả và thúc đẩy sự hoàn thiện hệ thống pháp luật về văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài ở Việt Nam.

Tóm lại, kết quả nghiên cứu của toàn bộ Luận văn được thể hiện thông qua các biện pháp, giải pháp nhằm nâng cao tính hiệu quả trong công tác xây dựng pháp luật. Các chế định cần được sửa đổi, bổ sung đều mang tính cần thiết và phải được sửa đổi để phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế. Bên cạnh đó, việc nâng cao vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước về văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài cũng cần được cụ thể, rõ ràng hơn. Trong xu thế hội nhập phát triển, cùng với việc liên tục ký kết các hiệp định, điều ước thương mại quốc tế song phương và đa phương, việc mở rộng tầm nhìn và điều chỉnh pháp luật để phù hợp sân chơi chung là việc phải thực hiện sớm. Việt Nam hiện nay được đánh giá là một nơi thuận lợi để đầu tư, do đó, thu hút đầu tư nước ngoài bằng các chính sách luật định vừa cởi mở, vừa chặt chẽ quản lý là ưu tiên hàng đầu đối với những nhà nghiên cứu pháp luật. Trong thời gian qua, bên cạnh những điểm chưa được, chúng ta vẫn phải thừa nhận những giá trị lớn đối với việc phát triển kinh tế xuất phát từ việc thu hút thương nhân nước ngoài thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam. Với những kết quả mà tác giả đạt được tại Luận văn này, hi vọng hệ thống pháp luật điều chỉnh quan hệ liên quan đến văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam ngày càng hoàn thiện và phù hợp với xu thế chung của thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công thương, Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định 07.
2. Bộ Tài chính, Thông tư số 133/2012/TT-BTC ngày 13/8/2012 quy định chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.
3. Bộ Tài chính, Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.
4. Chính phủ, Nghị định 45/2000/NĐ-CP ngày 06/9/2000 quy định về văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài và của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.
5. Chính phủ, Nghị định số 72/2006/NĐ-CP ngày 25/7/2006 quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài.
6. Chính phủ, Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
7. Chính phủ, Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.
8. Phạm Sỹ Chung (2011), Hàm Vụ trưởng, Vụ Kế hoạch, Bộ Công thương, “Tổng quan về hoạt động của văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài ở Việt Nam”, *Báo cáo hội thảo, Hội thảo*

“Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về văn phòng đại diện và Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam”, Hồ Chí Minh, ngày 28/10/2011.

9. Phạm Thị Thùy Dương (2006), “Bất hợp lý trong quy định về văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài”, *Tạp chí nghiên cứu lập pháp* – 9/2006, Số 82.
10. Nguyễn Trường Giang (2008), *Những phát triển của luật pháp quốc tế trong thế kỷ XXI*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. John J Downes (2011), “Kinh nghiệm quốc tế trong quản lý văn phòng đại diện và chi nhánh doanh nghiệp nước ngoài”, *Báo cáo hội thảo, Hội thảo “Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về văn phòng đại diện và Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam”, Hồ Chí Minh, ngày 28/10/2011.*
12. Trần Anh Khoa (2009), *Một số vấn đề pháp lý về văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại Việt Nam*, Luận văn Thạc sỹ Luật học tại Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
13. Nhóm chuyên gia John J. Downes, Phạm Sỹ Chung, Phạm Đình Thường (11/2011), “Báo cáo Hỗ trợ Bộ Công thương sửa đổi Nghị định 72/2006/NĐ-CP về văn phòng đại diện và Chi nhánh của thương nhân nước ngoài”, *Dự án EU – Vietnam Mutrap III*, Hà Nội.
14. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005.*
15. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015.
16. Quy chế đăng ký văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Trung Quốc, được Hội đồng Nhà nước thông qua ngày 10/11/2010, có hiệu lực từ ngày 01/3/2011.

17. Sở Công thương Thành phố Hồ Chí Minh (2011), “Tình hình hoạt động của văn phòng đại diện, Chi nhánh thương nhân nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh”, *Báo cáo hội thảo, Hội thảo “Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về văn phòng đại diện và Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam”*, Hồ Chí Minh, ngày 28/10/2011.
18. Phạm Đình Thuởng (2011), Phó Vụ trưởng, Vụ Pháp chế, Bộ Công Thương, “Nội dung và sự cần thiết hoàn thiện pháp luật điều chỉnh hoạt động của văn phòng đại diện và Chi nhánh thương nhân nước ngoài tại Việt Nam”, *Báo cáo hội thảo, Hội thảo “Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về văn phòng đại diện và Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam”*, Hồ Chí Minh, ngày 28/10/2011.
19. Trương Thanh Tùng (2004), *Phương hướng hoàn thiện Luật Thương mại trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn Thạc sỹ Luật học tại Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
20. Lê Danh Vĩnh (2012) (chủ biên), *Chính sách thương mại nhằm phát triển bền vững ở Việt Nam thời kỳ 2011 – 2020*, Nhà xuất bản Công thương, Hà Nội.

Trang web

21. BCT, *Hoạt động của VPDD và CNNN ở Việt Nam, những vấn đề đặt ra*, <http://www.baocongthuong.com.vn/p0c194s195n13839/hoat-dong-cua-vpdd-va-cnnn-o-viet-nam-nhung-van-de-dat-ra.htm>
22. Cambodian Law Blog, *Brand vs Representative Office – What ‘s the different*, <http://cambodianlaw.wordpress.com/2010/04/12/branch-vs-representative-office-%E2%80%93-what%E2%80%99s-the-difference/>

23. Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ, *Thủ tục thành lập công ty hoặc mở văn phòng đại diện tại Hoa Kỳ*, <http://www.vietnam-ustrade.org/index.php?f=news&do=detail&id=335>
24. Xuân Hưng, *Truy thu thuế thu nhập cá nhân*, <http://www.thanhnien.com.vn/news/pages/200531/117944.aspx>
25. Minh Khang, *Nhiều VPDD tại TP.HCM lách luật trục lợi*, <http://baodatviet.vn/Home/chinhtrixahoi/Nhieu-VPDD-nuoc-ngoai-tai-TP-HCM-lach-luat-truc-loi/200910/64819.datviet>
26. *Laws & Regulations on Setting Up Business in Japan* http://www.jetro.go.jp/en/invest/setting_up/laws/section1/
27. L.N.Minh, *Nhiều văn phòng đại diện nước ngoài hoạt động sai luật*, <http://tuoitre.vn/Kinh-te/387257/Nhieu-van-phong-dai-dien-nuoc-ngoai-hoat-dong-sai-luat.html>
28. Bùi Nhơn, *Văn phòng đại diện Petrosin nợ lương 4 tỉ đồng*, <http://phapluattp.vn/20120330104459644p1014c1070/van-phong-dai-dien-petrosin-no-luong-4-ti-dong.htm>
29. Hàn Ni, *Hàng trăm văn phòng ...mất tích!*, <http://www.sggp.org.vn/kinhte/2008/1/140697/>
30. *Nhiều VPDD nước ngoài hoạt động vượt chức năng*, <http://vietbao.vn/Kinh-te/Nhieu-VPDD-nuoc-ngoai-hoat-dong-vuot-chuc-nang/20470718/87/>
31. Thái Phương, *Nhiều văn phòng đại diện vi phạm luật*, <http://nld.com.vn/2011103010489616p0c1002/nhieu-van-phong-dai-dien-vi-pham-luat.htm>
32. SGT, *TP.HCM: nhiều văn phòng đại diện lách luật để kinh doanh*, <http://www.baomoi.com/TPHCM-nhieu-van-phong-dai-dien-lach-luat-de-kinh-doanh/45/3402283.epi>

33. Setup Representative Office, <https://roms.iesingapore.gov.sg/Home.aspx> (truy cập ngày 16/7/2017)
34. *Terms and conditions*, <https://roms.iesingapore.gov.sg/tncnonprofit.aspx>
35. T.Thu, “Thắt chặt quản lý hoạt động của văn phòng đại diện”, <http://www.thesaigontimes.vn/Home/doanhnghiep/phapluat/64538/That-chat-quan-ly-hoat-dong-cua-van-phong-dai-dien.html>
36. TBKTSG, *Siết chặt quản lý văn phòng đại diện – Cần mạnh tay hơn*, <http://www.misa.com.vn/tin-tuc/chi-tiet/newsid/5224/Siet-chat-quan-ly-van-phong-dai-dien---Can-manh-tay-hon>
37. Xuân Tuyên, *Việt – Nga hướng tới kim ngạch thương mại 10 tỷ USD*, <http://cafef.vn/viet-nga-huong-toi-kim-ngach-thuong-mai-10-ty-usd-20170410133421749.chn>
38. Hồng Văn, *Khi người lớn mặc áo trẻ con* <http://www.thesaigontimes.vn/Home/thegioi/hoso/2073/>
39. V.K, *Một DN Hàn Quốc buôn lậu, trốn thuế quy mô lớn*, <http://www.tienphong.vn/Phap-Luat/44443/Mot-DN-Han-Quoc-buon-lau-tron-thue-quy-mo-lon.html>